

Cờ Vàng Tung Bay

Nhạc và lời : Vũ Đức Nghiêm

The musical score is written in treble clef with a key signature of one sharp (F#) and a time signature of 4/4. It consists of ten staves of music with corresponding Vietnamese lyrics. The lyrics describe the national flag flying over the land, the people's unity, and their desire to return to their homeland.

Cờ vàng tung bay trên bầu trời xanh Ca-li Cờ vàng tung bay trên đường rộn ràng người
bay trên bầu trời xanh Ca-li, Nhìn cờ vàng bay, vui mừng lệ trào dâng

đi Hôm nay dưới bóng quốc kỳ, Bên nhau chung sức ước thề, Ngày về quê hương xây đắp tự
mì Bên nhau chung sức ước thề, mai đây ta.....

do Cờ vàng tung...
...sẽ trở về, Rợp trời trong gió lòng lòng bóng quốc kỳ. Vàng bay rực

rờ hờn núi sông, Tung bùng nào nức muôn lòng chờ mong Cờ vàng rực

rờ đẹp núi sông Quân dân bên nhau góp sức chung lòng. Ngày về Tổ

Quốc lòng ước mơ, Tiến lên anh em, ngày ấy ta trở về Rồi ngày giặc

tan ta về từ ngàn muôn phương Cờ vàng tung bay, ôi màu cờ vàng yêu thương. Tin vui bay

khắp phố phường, Muôn dân nô nức Cờ vàng tung bay rợp trời khắp quê hương.
xướng đường *rall.....* Rồi một ngày

mai Cờ vàng tung bay. Cờ vàng bay trên khắp quê hương.

*Chim có tổ, người có tông.
Dòng lịch sử là dòng sinh mệnh của đất nước.
Đọc lịch sử để rút tía những bài học sống hầu áp dụng trong việc bảo vệ và xây dựng đất nước. Hãy cùng cố gắng có một chân dung trung thực về cội nguồn của dân tộc Việt.*

MÙA XUÂN ĐẦU TIÊN CỦA DÂN TỘC VIỆT & Vụ Gián Đệp Đầu Tiên Trong Lịch Sử Việt Dân Tới 1000 Năm Tàu Đô Hộ

-Hải Bằng.HDB & Bạch Cúc.NTN

Đại cương về nguồn gốc tổ tiên dân tộc Việt từ thuở lập nước

Các sử gia thuở xưa đã lấy thời điểm dân tộc Lạc Việt lập quốc là năm 2879 Trước Tây Lịch (TTL) làm mốc để viết sử. Thời điểm này ứng với thời đại Phục Hi, Thần Nông và Hoàng Đế ở Trung Hoa. Đây là thời kỳ huyền sử có nhiều thần thoại. Nhưng tới triều đại **Hùng Vương Thập Bát Đệp** gồm 18 ngành của dòng tộc Hùng Vương, mỗi ngành có nhiều đời vua; thì đó là **triều đại có thật** hiện đã được kiểm chứng qua các chính sử và ngoại sử cùng với các di tích khảo cổ (Xem *Nguồn Gốc Việt Tộc*, Phạm Trần Anh, 2007, tr.512).

Trong *Việt Sử Thông Luận* (1942), nhà cách mạng XY Thái Dịch Lý Đông A viết:

*Trên giải đất Á Đông mà ngày nay gọi là Trung Hoa (tức Tàu), theo sự khảo cứu của một nhà bác học Hoa Kỳ thì từ rất cổ xưa có 3 (ba) dân tộc từng tranh nhau chiếm trung châu (delta) của miền sông Hồng Hà lên tới Thái Nguyên (Tàu) để tranh thủ lấy núi Thái Sơn hùng không chế vũ trụ. Ba giống người ấy là: **Việt, Hán, Di**. ...*

Tại sao gọi là Việt? Việt không phải là tên chúng ta đặt ra sau này. Lúc trước, Việt gọi là **Viêm**; sau đó là **Hải Đại** vì ở tỉnh Hải Đại (Sơn Đông); rồi là **Miêu** lúc đầu tranh chống giống Hán; rồi là **Thái** khi đã chiếm lãnh Thái Sơn.

Dân Việt trước tiên đã chiếm được núi Thái Sơn và đã phát sinh ra nền văn minh của Tàu

hiện nay. Những cái gốc (phát minh) như **Hà Đồ, Lạc Thu, Nam Châm, chữ Việt**, v.v. vốn là của **Lạc Việt**.

Dân Hán mạnh hơn đã đẩy lùi dân Việt lùi dần xuống phía nam. Cuối cùng dân Việt đã dừng lại ở đất hiểm trở **Phong Châu** (Vĩnh Yên, Bắc VN) để lập quốc.

Ghi chú: Nguyên *Phong Châu* thuộc vùng Tuyên Quang, Trung Quốc. Sau này, khi lui dần về phương nam, tiên nhân mang theo địa danh *Phong Châu* xuống Vân Nam, rồi xuống Bắc Việt Nam ngày nay. “Bà Trưng quê ở *Châu Phong*”. (Xem *Nguồn Gốc Việt Tộc*, 2007, của Phạm Trần Anh; tr.526-529).

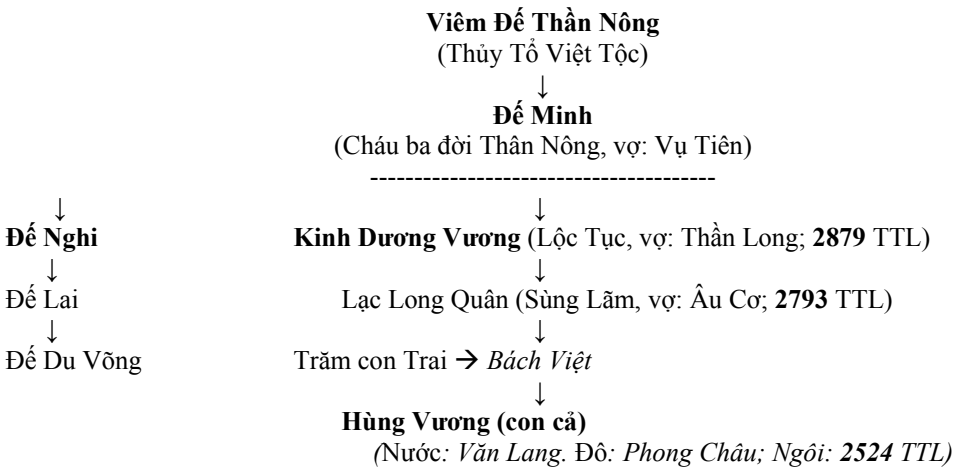
An Nam Chí của Cao Trưng Hưng (tàu) ghi: “Đất Giao Chỉ có ruộng **Lạc**. Khản ruộng đó là những **Lạc Dân**. Cai trị dân ấy là **Lạc Vương**. Giúp việc Lạc Vương là **Lạc Tướng**. Nước ấy gọi là **Văn Lang**.”

Ngoài *An Nam Chí* còn có *Lộ Sử* của La Tất (Tr. 44, *Nguồn Gốc Việt Tộc*.)

Sử gia Ngô Sĩ Liên (1479 STL) viết riêng một chương: “**Kỷ Hồng Bàng**”: Kinh Dương Vương lên ngôi vua năm 2879 TTL truyền thừa 18 đời vua Hùng Vương đến Vua Hùng Duệ Vương là vị vua cuối cùng của thời đại Hùng Vương vào năm 258 TTL (tr. 41, *Nguồn Gốc Việt Tộc*).

*

**Thời kỳ huyền sử với truyền thuyết “Con Rồng, Cháu Tiên” và bọc trứng nở 100 con trai:
Sơ Đồ Tổ Tông Việt Tộc**



(Vật Tổ (to tien): **RỒNG** (Uy & dũng) & **TIÊN** (Đẹp & thọ). Chữ viết: **Môn** Nước gọi là **Làng**)

Sách *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* do sử gia Ngô Sĩ Liên biên soạn (1479, Hậu Lê; xem *Nguồn Gốc Việt Tộc*, tr. 78) ghi về Kỳ Hồng Bàng

Thủy tổ của ta là con cháu của [Viêm Đế] Thần Nông... Kinh Dương Vương là vị vua đầu tiên của nước Đại Việt ta cùng với thời Đế Nghi [anh của Vương] ở phương Bắc lên ngôi năm Nhâm Tuất 2879 TTL.”

(Lưu ý: chữ “Vương” ở đây chỉ tên người chứ không có nghĩa là Vua)

Đế Minh, cháu ba đời của vua Viêm Đế Thần Nông, sinh ra Đế Nghi và Vương (Lộc Tục). Đế Minh lập Đế Nghi (con trưởng) làm Vua phương Bắc và cho Vương tức Kinh Dương Vương làm Vua phương Nam.

Thời đại tiền Hùng Vương: Kinh Dương Vương đặt tên nước là **Xích Quỷ** (sử Tàu gọi xêch mé là Xích Quỷ). Vua Kinh Dương Vương lấy **Thần Long**, con gái của Chúa Động Đình và sinh ra **Lạc Long Quân** húy là **Sùng Lãm**.

Lạc Long Quân lấy Âu Cơ và sinh ra **bọc trứng nở ra 100 con trai**. Rồi, 50 con theo cha

(**Rồng**) xuống miền biển; con 50 con theo mẹ (**Tiên**) lên miền núi. Đó là truyền thuyết của **Bách Việt**.

Lạc Long Quân truyền ngôi cho con cả là Hùng Quốc Vương, húy là Hùng Lân, từ năm 2524 TTL, hiệu là Hùng Vương mở ra triều đại Hùng Vương gồm 18 thế đại với 47 vua, dài 2622 năm. (tr.513 *Nguồn Gốc Việt Tộc*.)

Thời đại Hùng Vương Thập Bát Diệp
Ngoài các chính sử của người Việt và của người Tàu, các sử tích của nước Việt cổ hiện còn được ghi chép trong *Bách Việt Ngọc Phả Truyền Thư* gồm bốn (4) quyển viết bằng Hán văn do dòng tộc trưởng họ Nguyễn Đức sao chép từ năm 971 đời Đinh Tiên Hoàng. La Sư Phu Tử Nguyễn Thiếp (đời Tây Sơn) ghi chép lại cẩn thận và có thêm chú giải (xem *Nguồn Gốc Việt Tộc*, Phạm Trần Anh, 2007, tr. 487).

Theo *Ngọc Phả Truyền Thư* thì **Kinh Dương Vương** có sáu (6) vợ và 5 con trai. Hai con đầu, Nguyễn Nghiêm và Nguyễn Thôi đi tu theo bà nội là Hương Văn Cái Bồ Tát. Người con thứ ba là Nguyễn Lãm; sau đổi là Hùng Lãm rồi Sùng Lãm. Sau khi lên làm Vua, Sùng Lãm lấy tên hiệu là **Lạc Long Quân**

Lạc Long Quân có 9 vợ chính thức và 118 hoàng tử cùng 218 công chúa. Lạc Long Quân cai trị 15 tộc bộ bao gồm Hồ Bắc, Châu Kinh ở phía bắc sông Dương Tử, và Hồ Nam, Giang, Quý Châu, Vân Nam, Tứ Xuyên, Phúc Kiến, Lương Quảng xuống tới Cửu Chân, Cửu Đức, ... (Nguồn Gốc Việt Tộc, tr.487).

Ngoài cuốn *Ngọc Phả Truyền Thư* kể trên còn có hai cuốn ngọc phả nữa. Cuốn (1) *Nam Việt Hùng Vương Ngọc Phả* được biên soạn vào thời vua Lê Đại Hành (980). Cuốn (2) *Cổ Việt Hùng Thị Thập Bát Diệp Thánh Vương Ngọc Phả Cổ Truyện* do Hàn Lâm Sĩ Nguyễn Cổ biên soạn năm 1472 (Nhà Lê): **Thời đại Hùng Vương được ghi chép gồm có 47 đời vua từ 2879 TTL đến 257 TTL, tổng cộng 2622 năm.**

Mỗi dòng vua được xếp theo thứ tự Bát Quái và Thập Can.

1. Chi Càn: *Kinh Dương Vương*, sinh 2919 TTL; lên ngôi năm 2879; dài 86 năm.
2. Chi Khâm: *Hùng Hiền Vương* /Lạc Long Quân, sinh: 2825 TTL; Ngôi 2793 TTL; dài 269 năm.
3. **Chi Cấn: Hùng Quốc Vương** (húy là Hùng Lân); Ngôi: **2524 TTL**; dài 271 năm; Hiệu: **Hùng Vương.**
4. Chi Chấn: *Hùng Hoa Vương* (húy Bửu Lang), sinh năm 2254 TTL; dài 342 năm.
5. Chi Tốn: *Hùng Hi Vương* (húy Bảo Long) sinh 2030 TTL; dài 200 năm.
6. Chi Ly: *Hùng Hồn Vương* (Long Tiên Lang) sinh 1740 TTL; 81 năm.
7. Chi Khôn: *Hùng Chiêu Vương* (húy Quốc Lang) sinh 1659 TTL; dài 200 năm.
8. Chi Đoài: *Hùng Vĩ Vương* (húy Văn Lang) sinh 1469 TTL; dài 100 năm.
9. Chi Giáp: *Hùng Định Vương* (húy Chân Nhân Lang) sinh 1375 TTL; dài 80 năm.
10. Chi Ất: Hùng Uy Vương (húy Hoàng Long Lang) sinh 1287 TTL; dài 90 năm.
11. Chi Bính: *Hùng Trinh Vương* (Húy Hưng Đức Lang) sinh 1211 TTL; dài 107 năm.
12. Chi Đinh: *Hùng Vũ Vương* (húy Đức Hiền Lang) sinh 1105; dài 96 năm.

13. Chi Mậu: *Hùng Việt Vương* (húy Tuấn Lang) sinh 982 TTL; dài 105 năm.
14. Chi Kỷ: *Hùng Anh Vương* (húy Viên Lang) sinh 894 TTL; dài 89 năm.
15. Chi Canh: *Hùng Triệu Vương* (húy Chiêu Lang) sinh TTL; dài 94 năm.
16. Chi Tân: *Hùng Tào Vương* (húy Đức Quân Lang) sinh 712 TTL; dài 92 năm.
17. Chi Nhâm: *Hùng Nghi Vương* (húy Bảo Quang) sinh 576 TTL; dài 150 năm.
18. Chi Quý: *Hùng Duệ Vương* (húy Huệ Vương Lang) sinh 421 TTL; dài 150 năm.

~ * ~

BÓN NGÀN NĂM VĂN HIẾN
[2879 TTL (Hùng Vương) + 1479 STL (Hậu Lê) = 4358 năm]

Tự Chủ - Tô Rồng-Tiên - Đạo Trời - Đạo Hiếu - Chữ Mên – Quân Chủ Tân Quyền – Nông Nghiệp - Đồ Đồng & Sắt (Cung Nỏ) – Pháp Chế - Lịch Pháp (Quy Lịch) – Y Dược (Châm Cứu) - Quốc Tử Giám (Đại Học) – Thi Cử - Nhạc Khí (Đàn Bầu) - Thi Phú – Hòa Đồng

*

**XUÂN DỰNG NƯỚC VĂN LANG
VUA HÙNG VƯƠNG KHAI HỘI
TẾT XÂY ĐỒ PHONG CHÁU DÂN LẠC
VIỆT KẾT ĐOÀN**

Vào đầu mùa xuân năm ấy, 15 bộ tộc Lạc Việt lần đầu tiên tụ hội tại Văn Lang (Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên) ăn mừng Tết và đồng thời ăn mừng ngày toàn thể 15 bộ tộc kết hợp lại thành một khối thống nhất lấy tên là *Nước Văn Lang* và tôn Hùng Vương là Vua. Dân Lạc Việt lập quốc từ đó.

Từ tờ mờ sáng, hàng ngàn dân từ các bộ tộc đã tề tựu đông đảo tại khu Đại Đình Văn Lang. Chung quanh là hàng chục đồng lửa cháy nghi ngút tỏa sức nóng làm bớt đi không khí giá lạnh của thời tiết đầu xuân. Hàng rừng cờ vàng tung bay phát phới. Ai cũng hớn hờ khác nhau: “*Hôm nay các làng ta họp lại mừng dựng nước. Hùng Vương được chọn làm Vua. Có cả bộ tộc Tây Âu tham gia. Chưa bao giờ có ngày vui lớn như hôm nay.*”

Sáng nay, hoa xuân muôn sắc nở đầy đường, đầy sân, đầy ngõ. Hàng trăm mị nương, mị ê, hoàng tử, thị nữ, và thị vệ mặc quần áo đầy màu sắc. Hàng trăm thiếu nữ làng thôn cũng thật duyên dáng trong đủ bộ sắc áo xuất hiện như những bông hoa biết cười, nói, biết đi. Các chàng trai cũng thế: người nào người nấy trông thật mạnh mẽ, hăng hái. Các trẻ em ngồi hàng trước. Hàng sau là các cô lão, nam bên trái, nữ bên phải. Kế đến là các thiếu nữ và thanh niên. Chung quanh là hàng quân đặc biệt của 15 bộ tộc trang bị khiên, cung nỏ, gươm giáo sáng ngời.

Trên khán đài cao có hai Đại Kỳ, một màu vàng, một màu xanh thêu hình con Rồng. Đầu góc bên trái trên khán đài là bộ Đại Trống Đông uy nghi treo trên trên giá gỗ trạm trổ Rồng và chim Hồng, Chim Lạc. Đầu góc bên phải

Chung quanh khán đài là những cây phướn vàng và xanh bay lượn rục rờ.

Đúng đầu giờ Tỵ (9 giờ sáng), nhiều loạt trống, thanh la, kèn tù và đổ hồi vang dội báo hiệu buổi lễ sắp bắt đầu. Vua sắp xuất hiện. Vua Hùng Vương áo mào vàng son rục rờ tiến ra giữa hai hàng lạc tướng và lạc hầu nghiêm chỉnh đón chào. Trước hết nhà Vua quay về hướng Nam làm Lễ Tế Trời Đất. Sau đó là Lễ Tổ Kinh Dương Vương và Mẹ Âu Cơ. Rồi nhà vua uy nghi tiến lên ngai ngồi trước sự tung hô vang dội của quần thần và dân chúng. Đợi sự im lặng trở lại, nhà vua đồng dục cất tiếng:

Hỡi toàn thể thần dân:

Trẫm tên là Lân, họ Hùng. Hôm nay, vâng lời Vua cha Lạc Long Quân, và mẹ Âu Cơ đã trở về với cội nguồn vì vốn dòng Thần Rồng và Tiên, Trẫm phải lên nối ngôi làm Vua để chăm lo cho trăm họ. Tất cả 15 bộ tộc cũng đều mong muốn như vậy. Nay, Trẫm long trọng tuyên cáo:

Kể từ mùa xuân này, dân Lạc Việt chúng ta không còn là 15 làng riêng lẻ nữa mà tất cả kết hợp lại thành một khối lấy tên là **Nước Văn Lang**; lấy **Rồng & Tiên** làm **Tộc Tượng**; chọn **Phong Châu** làm **thủ đô**; gọi thủ lĩnh bộ tộc là **Lạc Hầu**. Toàn thần dân hãy lên tiếng hoan hô!

Đội tiếng hoan hô chấm dứt, nhà Vua tiếp tục:

Trẫm muốn nhắc nhở thân dân rằng:

Dân Lạc Việt ta vốn từ đất Thái Sơn, Trung Hoa, di xuống phương Nam vì bị giồng Hán xâm lấn. Nay chúng ta chỉ còn mảnh đất ở ở cực Nam này để sinh sống. Vì vậy, 15 bộ tộc ta phải đoàn kết lại để có một lực lượng hùng mạnh sẵn sàng ngăn chặn bọn giặc Bắc phương. Toàn dân có kiên quyết chống xâm lược không? Cả đình trường vang dội tiếng hô: **Cương quyết! Cương quyết!**”

Này, các thần dân! Các đồng ruộng xanh tươi kia của nước ta từng được nhiều đàn chim hàng vạn con từ đâu *lạc* tới đâu đem theo nhiều hạt giống hoa thơm, trái lạ, nhờ đó dân ta có nhiều thức ăn hơn. Kia, trên các giải núi cao, xanh bát ngát kia cũng từng có nhiều đàn chim *cánh hồng* bay lượn như muốn nhắc nhở dân ta hãy cố vươn lên cao, cao hơn. Dân ta chịu ơn những đàn chim đó rất nhiều nên đã đặt tên chúng là *Lạc* và *Hồng* và Trẫm đã quyết định ra lệnh cho khắc hình chim Lạc và Hồng trên trống đồng hầu muôn thuở tỏ lòng biết ơn chúng.

Việt Tổ của chúng ta vốn dòng Tiên và Rồng kết hợp, nên Trẫm đã chọn hình tượng Rồng và Tiên là Vật Tổ. Tiên là biểu tượng của *vẻ đẹp nhu mì, duyên dáng, hiền hậu, bao dung*; Rồng là biểu tượng của *sức mạnh vô song, vây vùng thỏa chí, và có tài điều mưa, khiến gió làm cho ruộng có nước để cây cấy và vườn có nước để trồng trọt*. Tuy nhiên, dù phụ nữ Lạc Việt ta hiền lành nhưng cũng rất dũng cảm và sẵn sàng cầm cung nỏ theo câu: “*Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh*”. Trẫm nói vậy, có đúng không? Tất cả phụ nữ đồng ho to: “*Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh!*”

Nhà Vua cười và cất tiếng tiếp tục:

Còn nam giới nước ta tuy có uy lực dũng mãnh nhưng không bao giờ *ý mạnh hiếp yếu*. Lúc nào cũng vẫn giữ tâm *lòng nhân* làm gốc xử thế. Và, khi đất nước cần, vẫn đặt *việc nước trước việc nhà*; sẵn sàng tổng quân đánh đuổi quân Bắc Phương xâm lấn để bảo vệ cõi bờ của Tổ Quốc. Trẫm hỏi thần dân có sẵn sàng bảo vệ Tổ Quốc không?” Tất cả mọi người đồng hô lớn: “*Sẵn sàng!*”

Mặt trời lúc này đã lên cao, ánh nắng tăng thêm ấm áp cho không khí nơi quang trường. Khi sự im lặng đã trở lại, nhà Vua cất tiếng:

Dân Lạc Việt ta tin ở **Đạo Trời, tin có Ông Trời** tạo ra muôn vật, tin “*Trời là Cha, Đất là Mẹ*”; tin “*Trời sinh, Đất dưỡng*”; tin “*Trời sinh voi, Trời sinh cõ*”; tin Trời phú cho vạn vật *cảm tính, linh tính*, và *trí khôn* để tự quản. Trời cũng đặt ra một số luật tự nhiên để vạn vật tự tồn. Đó là *luật tuần hoàn; luật quả báo; ở hiền gặp lành; ở ác gặp ác, có nhân thì có quả*. Tin Trời tạo ra sự sống của muôn loài thì con người phải bảo vệ sự sống của muôn loài. Không ai được quyền sát hại và đó là “**Luật Bất Hại**”.

Dựa vào Đạo trời, tổ tiên ta đặt ra **Đạo Người**. Trước hết là **Đạo Hiếu**: Hiếu Sinh và Hiếu Nghĩa. *Hiếu Sinh* dạy con người phải không được sát hại mọi sinh vật nếu không cần thiết. *Hiếu Nghĩa* dạy con cái phải báo đáp công ơn nuôi nấng của cha mẹ bằng cách phải săn sóc lại cha mẹ lúc già yếu. Đó là lẽ: “*Trẻ nhờ cha, già cậy trẻ*.” *Hiếu Nghĩa* cũng dạy anh em, *nhớ câu*: “*Anh em như thể tay chân*.” để phải biết *đùm bọc lẫn nhau*; vợ chồng phải nhớ câu: “*Như chim liền cánh, như cây liền cành*” để phải *chung thủy* với nhau; bạn hữu phải nhớ câu: “*Một sự thất tín, vạn sự không tin*” để phải tôn trọng chữ *Tín* với nhau. Cuối cùng là “**Đạo Vuông Tròn**” của dân Lạc Việt ta dạy mọi người phải ăn ở với nhau “**Vuông như Đất; tròn như Trời**”, trước sau như một và phải biết “*thương người như thể thương thân*.” phải *giúp đỡ nhau khi hoạn nạn*. Đó là những giá trị xã hội, những *giềng mối của xã hội* mà dân Lạc Việt ta từng trân quý. Các thần dân phải ghi nhớ kỹ bởi vì kẻ nào ăn ở vô đạo sẽ bị Trời tru, Đất diệt. Các thần dân có ghi nhớ không?

Cả quảng đình vang dội tiếng hô: “Xin ghi nhớ!”

Nhà Vua tiếp tục:

Hôm nay, nhân mùa xuân ấm áp, chúng ta họp tại đây tuyên khai lập nước. Đã lập nước thì phải giữ nước. Muốn giữ nước thì phải đoàn kết. Khi đất nước có giặc thì mọi người phải tòng quân. Khi Vua ăn ở không phải đạo thì phải truất phế. Khi Tướng không dũng cảm thì phải cắt

chức. Khi quân hèn nhát thì phải trị tội; Khi cha mẹ không nghiêm minh; con cái bất hiếu; vợ chồng bất nghĩa, anh em bất nghi; bạn bè bất tín thì làng nước phải nghiêm trị. Trăm ban bổ như vậy, toàn thần dân tuân thủ không?

Mọi người giơ cao cánh tay và cất tiếng: “Xin tuân thủ!”

Hỡi các thần dân:

Nếu mọi người đều cố làm tròn bổn phận và nhiệm vụ của mình; vua ra vua, quan ra quan, trên phải làm gương, dưới phải noi gương; biết chia xẻ và cùng hợp tác; như thế thì lo gì đất nước ta chẳng là cường thịnh, an vui? Trăm dứt lời.

*

Kể từ mùa xuân ấy, dân Lạc Việt quả đã được sống trong cảnh thật thanh bình, thịnh trị kéo dài suốt **2622 năm** (2789 TTL – 257 TTL). Thóc lúa đầy đồng, cá tôm đầy vựa, cây trái đầy vườn, trẻ có trường để học, bệnh có thuốc để chữa, nhà nhà no ấm, an vui.

Trong thời đại các Vua Hùng, có một vài sự tích và nhân vật huyền thoại được tóm lược với ít lời bàn như sau:

(1) Sự tích chàng đánh cá nghèo Chử Đồng Tử và Công Chúa Tiên Dung (Hùng Vương thứ III):

Cha Chử chết chỉ có một cái khổ duy nhất để lại cho chàng ta để che thân. Thương cha ở dưới mồ lạnh lẽo, Chử bèn đem chiếc khổ liệm cho cha và dùng lá che thân mỗi khi đi đánh cá. Một hôm, công chúa Tiên Dung, con Vua Hùng, du ngoạn, dùng chân tắm ngay bãi cát Chử bắt cá. Chử không kịp lánh đi chỗ khác nên đành lấy cát đắp che đầu thân. Chẳng ngờ trời chuyển mưa, cát trôi đi khiến cho thân Chử bị lộ liễu kề cận chỗ Tiên Dung tắm. Tiên Dung giật mình e thẹn nhưng cũng sai thị nữ tra hỏi cho ra sự tình. Biết được nguyên do, công chúa cho Chử là người con chí hiếu. Lại tự nghĩ mình đã phạm phải lệ cấm con gái để thân lộ liễu cho trai nhìn và cũng cho là duyên tiền định, nài xin vua cha chấp nhận cho làm vợ Chử. Vua cha thương con nên đành chấp nhận, nhưng không cho phép hai người trở về Phong

Châu. Hai vợ chồng bèn đi chu du, học Đạo Tiên và làm thuốc cứu đời. Người đời sau nhớ ơn lập đền thờ ở Đầm Dạ Trạch.

Chuyện tích này nói lên dân Lạc Việt ta từ ngàn xưa đã có một ý niệm rõ ràng và sâu xa về chữ Hiếu và chữ Trinh Tuyệt. Do đó sau này khi Phật Giáo từ Ấn Độ nhập vào VN (khoảng từ 159 STL đến 189 STL) đề cao chữ Hiếu và các phẩm hạnh khác thì dân ta đã dễ dàng hoan hỉ hội nhập.

(2) Sự Tích Thánh Gióng (Hùng Vương thứ VI)

Thánh Gióng hay Phù Đổng Thiên Vương vốn là một cậu bé sinh ra đã ba năm mà chưa nói. Lúc đó, Nhà Ân bên Tàu xưa quân xâm lấn nước ta. Tình hình nguy ngập, nhà Vua cho truyền rao chiêu mộ hiền tài cứu nước. Cậu bé bỗng bật tiếng nói xin mẹ báo sứ giả tâu vua cho đúc ngựa sắt và roi sắt để cậu đi dẹp giặc. Nhà vua cho là đã có thần nhân giúp, bèn y lời, sai đúc một con ngựa và roi bằng sắt. Khi ngựa và roi đem đến, cậu bé vươn vai trở dậy cao lớn khác thường. Rồi cậu cầm roi nhảy lên ngựa phóng đi. Trai tráng và ngay cả các cậu thiếu niên cũng phóng chạy theo. Đi đến đâu, thanh thiếu niên càng theo nhiều đến nấy. Gặp giặc, ngựa của Thánh Gióng hí ra lửa, roi vụt ra khỏi làm cho quân giặc khiếp vía chạy tán loạn; giẫm lên nhau mà chết. Cả tướng Ân cũng bị tử thương. Giặc tan, Thánh Gióng phóng lên núi biển mất. Nhà vua cho lập đền thờ.

Như vậy huyền thoại này mang thông điệp gì? Phải chăng lúc đó đất nước có được một anh hùng biết đúc sắt làm khí giới và thành lập các đội quân kỵ mã, và biết sử dụng tới lực lượng thiếu niên đánh giặc nên được người đời tôn thờ như một Thiên Tướng? Và, cậu bé Phù Đổng có thể là hiện tượng của cả trăm ngàn thiếu niên khác lúc đó cũng ào ào theo nhau đi đánh giặc nói lên khí thế “**cả nước đánh giặc**” và “**trẻ theo, già theo**”.

Dù sao, chuyện quân nhà Ân bên Tàu sang xâm chiếm nước ta là có thật và chúng đã bị thảm bại.

(3) Sự Tích Bánh Chưng, Bánh Dầy (Hùng Vương thứ VI),

Nhân ngày Tết, Tiết Liêu, một trong những người con của Vua Hùng, tiến dâng cho vua cha hai thứ bánh mới nấu lần đầu bằng thứ gạo nếp dẻo. Một thứ bánh có hình vuông gói trong lá chuối; thứ bánh kia có hình tròn không gói lá và màu trắng. Ăn thấy dẻo và rất thơm ngon. Vua hỏi tại sao làm các bánh đó. Tiết Liêu trả lời rằng được một thần nhân trong giấc mộng dạy và nói rằng: “Bánh dầy Tròn tượng trưng cho Trời; bánh chưng Vuông tượng trưng cho Đất. Vuông thì vững; tròn thì động; vuông tròn có nghĩa là có thay đổi nhưng vẫn bền vững. Nó trở thành một đạo lý: con người phải ăn ở, cư xử với nhau vuông tròn, trước sau như một. Nhà vua khen hay và ban lệnh cho dân từ đó nấu bánh chưng và bánh dầy ăn Tết để nhớ tới đạo lý này.

(4) Sự Tích Dưa Hấu (Hùng Vương thứ XVII)

Nguyên **Mai An Tiêm** vốn là người ngoại quốc được Vua Hùng thứ 17 mua làm con nuôi, nhưng sau đó vì Mai An Tiêm phạm tội kiêu mạn nên bị vua đày ra một hoang đảo ở ngoài khơi biển Thanh Hóa. May nhờ chim bạch hạc bay từ phương tây lại, tha theo một số hạt và bỏ rơi trên đảo. Ít lâu hạt mọc thành cây sinh trái thơm ngọt và An Tiêm đặt tên là **Tây qua (quả)**. Sau, An Tiêm lấy tên vợ là Việt Nga mà đặt tên cho trái dưa đó là **Việt Nga qua**. Chẳng bao lâu sau, đông đảo người từ phương kéo tới ở và trồng trái dưa đó. Vua Hùng nghe tiếng bèn cho triệu hồi vợ chồng An Tiêm về và nơi An Tiêm ở được gọi là **An Tiêm Sa Châu**. Ngày nay trái dưa hấu danh tiếng nhất sản xuất tại Hữu Cung, Quảng Ninh. Nhà học giả Hương Giang Thái Văn Kiểm ghi lại sự tích trái dưa đỏ này và cũng đã đích thân tới Hữu Cung trước tháng 3 năm 1945 để mua dưa, có trái nặng tới 7 kí lô.

(5) Sự Tích Sơn Tinh & Thủy Tinh (Hùng Vương 18)

Tương truyền rằng vào Thế Đại Hùng Vương 18 (421 TTL-271ITTL), nhà Vua có một nàng công chúa xinh đẹp tên là Mị Nương đã đến tuổi cập kê. Vua bèn cho mở hội kén rể. Hai vị thần Sơn Tinh và Thủy Tinh tới cầu hôn. So tài thì hai chàng ngang ngửa, nên Vua bèn ra ước

hẹn, ai đem lễ vật tới trước và vào đúng giờ Thìn, người đó sẽ được nhận làm rể. Sơn Tinh vốn có tâm tu nên được Sách Ước và Gậy Thần, vì vậy đến rất đúng giờ và rước được Mị Nương đem về Núi Tân. Còn Thủy Tinh vốn tính bê trễ đã quen nên đến chậm một chút, đành phải nuốt hờn giận trở lại Biển Đông. Nhưng từ đó thỉnh thoảng nhớ tới Mị Nương, Thủy Tinh lại mở trận dâng nước đánh Sơn Tinh làm cho dân tình điêu đứng.

Câu chuyện Sơn Tinh và Thủy Tinh muốn truyền đạt điều gì? Có thể người đặt truyện muốn khuyên người ta phải giữ đúng giờ hẹn; không được bê trễ bởi vì “hẹn là nợ”; và vua phải công bằng với mọi người, không được tùy tiện thiên vị; các vị thần cũng phải phục tùng Vua. Truyện kể vừa để giúp vui vừa để trau dồi trí tưởng tượng của trẻ con.

(6) Sự Tích Thần Kim Quy và Nổ Thần

Thực Phán, vốn người Tây Âu và cũng là cháu của Vua Hùng, lên thay thế họ Hùng và mở ra triều đại An Dương Vương (208 – 179 TTL). An Dương Vương đổi tên nước là Âu Lạc và dời đô về Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội). Tục truyền rằng, nhà Vua được Thần Kim Quy xui khiến gặp kiến trúc sư tài ba - Cao Lỗ - giúp xây Thành Cổ Loa rất kiên cố, lại cho thêm Nổ Thần để giữ nước. Đã nhiều lần quân Triệu Đà qua hãm vây Thành Cổ Loa nhưng đều bị hàng vạn mũi tên đồng từ trên trời lao xuống làm quân sĩ dù có áo giáp cũng bị thương vong.

Sau đó, Triệu Đà thay đổi chiến lược. Đà cho sứ sang giảng hòa và lại xin con trai là Trọng Thủy sang ở rể làm con tin. An Dương Vương không nghe lời can của Cao Lỗ nên họ Cao bỏ đi. Trọng Thủy đem tiền bạc mua chuộc các quan và ngầm tổ chức nội ứng. Khi thời cơ đến, Trọng Thủy trốn về Tàu và Triệu Đà cho quân bất ngờ sang đánh nước ta. Vì có nội ứng và nổ thần không hoạt động, An Dương Vương bỏ thành chạy rồi tự vẫn. Truyện kể thêm chi tiết là Mị Nương ngồi sau lưng ngựa của vua cha, bút lông ngỗng làm dấu cho quân Triệu

đuổi theo. Tới bờ sông, Vua thấy Thần Kim Quy nổi lên chỉ vào Mị Nương và bảo đó chính là kẻ thù. Vua rút gươm chém con gái rồi nhảy xuống sông tự vẫn. Trọng Thủy đuổi tới nơi thấy Mị Nương chết, bèn cũng nhảy xuống giết tự vẫn.

Bỏ qua những nét thần thoại, ta thấy thành Cổ Loa xây rất đặc biệt kiên cố gồm 3 vòng thành cao và dài (hiện còn dấu tích) khiến quân Triệu vây hãm quá lâu ngày phải bị mệt mỏi và đói khát vì thiếu lương thực và nước. Còn nó thần thì có thể chỉ là sự sử dụng loại mũi tên bọc đồng (nặng và sắc bén). Và, thay vì dùng cung nỏ, quân sĩ Việt sử dụng hàng ngàn cây tre uốn cong để phóng ra hàng vạn mũi tên đồng lên trời rồi lao xuống đất. Với cách này, tên được bắn đi xa hơn và rớt xuống mạnh hơn, khiến áo giáp quân Triệu không chịu nổi. (Năm 1959, khảo cổ đào thấy một hầm chứa hàng vạn mũi tên đồng ở Cầu Vực, phía nam Thành Cổ Loa, Hà Nội. Xem Lịch Sử VN của GS Nguyễn Phan Quang, 200, tr. 50).

Các sử gia ta và Tàu trước đây đã chỉ ghi lại sự tích trên với nhiều vẻ huyền thoại và bi kịch hóa vai trò Trọng Thủy nhưng dường như đã che giấu hẳn cái âm mưu gián điệp của vai trò Trọng Thủy mà đạo diễn là Triệu Đà. Thực tế, sử dụng gián điệp để lấy nước trước đó đã từng xảy ra với vai trò của Lã Bất Vi (thời Xuân Thu Chiến Quốc bên Tàu) nhân vật đã khai sinh ra chế độ chuyên chế tàn bạo của Tần Thủy Hoàng (259-210 TTL).

An Dương Vương đã chỉ vì cả tin mà để cho Hán gian Triệu Đà thôn tính nước ta một cách dễ dàng và kể từ đó, dân ta rơi vào ách Tàu đô hộ 1000 năm! Hiện nay những cuộc chiến gián điệp đại loại như thế vẫn còn tiếp diễn vì đó là những cuộc chiến ít tốn hao mà đầy hiệu quả nhất.

Xin đón coi kỳ tới về Gián Điệp Lã Bất Vi.

* * *

HẢI BẢNG HDB (Arizona)

TẾT NĂM NAY, SÁCH VIỆT-NAM CÓ GÌ MỚI?

Tâm Việt

Hôm rồi, ngồi cùng bàn với tôi ở bữa cơm tất niên của Hội Cựu-sinh-viên Quốc gia Hành chánh, có anh bạn hỏi tôi: "Được biết anh vẫn theo dõi chuyện sách vở, không rõ năm nay ở hải-ngoại có sách gì đáng chú ý không anh?"

Tôi phải trả lời ngay, thật ra đã lâu rồi tôi không còn đủ sức theo dõi tình-hình xuất bản như những năm xưa khi cứ đến mùa này là các báo vội tôi một bài tổng-kết văn-học trong năm. Tuy-nhiên, nếu anh chỉ muốn nói đến tình-hình xuất bản ở miền Đông thì vì gần gũi hơn, tôi cũng có được một vài thông tin đáng tin cậy.

Nhà xuất bản Tiếng Quê Hương

Ở miền Đông Hoa-kỳ, hay ít ra ở vùng Thủ-đô, thì sinh-hoạt xuất bản tập trung ở Virginia với nhà xuất bản Tiếng Quê Hương của nhà văn Uyên Thao là năng động nhất, mỗi năm cũng phải ra đến 5-6 cuốn, phần lớn là những sách giá trị, đáng đọc. Như năm ngoái TQH đã có mấy cuốn sách dày cộm viết thật sâu sắc như *Hai mươi năm Miền Nam, 1955-1975*, của tác-giả Nguyễn Văn Lục (đặc-biệt nói rất tỉ mỉ về các phong trào tuổi trẻ và phản chiến ở trong nước), và cuốn *Việt Nam trong chiến tranh Tư hữu* của tác-giả Nguyễn Cao Quyền có tiêu-tựa là "Nhìn lại cuộc chiến 30 năm." Bên cạnh đó là mấy tác-phẩm nhẹ nhõm song không phải là không có chiều sâu hay ngậm ngùi như *Một thời oan*

trái, tiểu-luận của nhà văn Hải-quân gốc Sơn-tây Phan Lạc Tiếp hay *Những mảnh trời khác biệt*, "tuyên tập 17 tác giả thuộc Không lực VNCH" do Hoàng Song Liêm thu thập. Cũng ra năm ngoài là cuốn *Núi cao vực thẳm* của Hồ Trường An nghiên cứu "9 vóc dáng văn học VN thế kỷ 20" từ những bộ mặt nổi tiếng từ trong nước như Nghiêm Xuân Hồng, Võ Phiến, Vũ Khắc Khoan, Thanh Tâm Tuyền đến những tác-giả thuộc thế-hệ sau hoặc mới nổi lên sau này ở hải-ngoại (Đặng Phùng Quân, Trương Anh Thụy, Vũ Tiến Lập, Nguyễn Ngọc Bích); cuốn *Mao Trạch Đông, Ngàn năm công tội* của Tân Tử Lăng, một tác-giả Trung-hoa viết rất chi-tiết và sâu sắc. Trong năm 2012 TQH có *Cõi trời cõi ta*, của Hoàng Dung, một cây bút bác-sĩ viết rất hấp dẫn về khoa-học vũ-trụ và về con người. *Buồn vui đời thuyền nhân* là hồi-ký của một người Việt gốc Hoa, dù đã sống 5-7 đời ở Hải-phòng song vẫn bị trục-xuất ra khỏi VN khi Hà-nội đuổi người Hoa, cướp trắng gia-sản của những người con dân VN này--để lưu lạc sang Trung-quốc và cuối cùng đi định cư được ở Anh và rất thành công tại đó. *Lừng thừng giữa đời* của Lê Thiệp được gọi là "ký sự" nhưng nhiều phần là "hồi-ký" về thời-gian làm báo ở Sài-gòn, với nhiều vui buồn với các bạn bè trong thế-giới đệ-tứ-quyền, ở một nước VN chiến-tranh nhưng vẫn còn khá nhiều tự do ngôn-luận và báo chí. Cuối năm, TQH cũng cho ra cuốn sách biên-khảo rất giá trị của nhà văn Thụy Khuê (ở Pháp) viết về

phong trào *Nhân Văn-Giai Phẩm* cách đây hơn nửa thế-kỷ.

Cơ sở xuất bản Cỏ Thơm

Khác với nhà xuất bản Tiếng Quê Hương, được xem như một cơ-sở thuần-tuý thương mại dù như những người chủ-trương là những nhà văn, nhà thơ có cái nhìn rộng, hiểu biết về thế-giới và cuộc sống chung quanh ta, Cơ-sở Cỏ Thơm chủ-yếu là một tập hợp bạn bè thích văn nghệ và thích gặp nhau. Mỗi lần có một số Cỏ Thơm ra lò (mỗi ba tháng) là lại có một dịp để cho các cộng-sự-viên đến ăn uống chung vui với nhau, chuyện trò, nhận báo và giúp phân-phối. Cứ như trong một gia-đình nhiều con thích hội họp vậy! Nhưng không phải vì thế mà báo không có nhiều người tham-gia góp bài, từ Pháp, từ Đức, từ khắp các tiểu-bang ở Hoa-kỳ hay tỉnh-bang Gia-nã-đại, thậm chí có cả những bài từ những nẻo xa xôi như Úc, Bỉ, Hoà-lan, Anh-quốc v.v.

Dọ vậy nên Cơ-sở xuất bản Cỏ Thơm chủ-yếu phục-vụ cho nhu-cầu xuất bản của các thành-viên Cỏ Thơm mà phần lớn là sách truyện hay thơ, lâu lâu mới có một tác-phẩm tiểu-luận hay biên-khảo như của nhà phê-bình Trần Bích San hay nhà thơ Lưu Nguyễn Đạt. Chính các thành-viên Cỏ Thơm trong năm cũng có người tự-động in ấn sách của mình, kiên trì nhất là nhà văn, nhà thơ Tâm Minh Ngô Tăng Giao mỗi năm cũng có vài cuốn sách về Phật-giáo phổ-thông, khi thì làm thơ, khi thì kể chuyện, khi thì dịch sách ngoại-quốc. Trong năm 2011, chẳng hạn, tác-giả này có cuốn *Niết Bàn* dịch *Nirvana in a Nutshell* của Scott Shaw và cuốn *Phật pháp cho Trẻ em* dịch *Dharma for Children* của các tác-giả Jing Yin, Ken Hudson, W.Y. Ho và Yanfeng Liu (cả hai cuốn do Diệu Phương xuất bản). Xem ở bìa sau cuốn *Nirvana* thì Tâm Minh Ngô Tăng Giao, ngoài hai cuốn

Mưa Xuân / Spring Rain dịch thơ Anh và *Đà Lạt ngày tháng cũ*, hiện đã hoàn-tất 20 cuốn sách về Phật-pháp trong vòng 11 năm qua--rõ ràng là một thành-tích rất đáng kể. Cũng dịch sách Phật trong 1-2 năm qua nhưng đi sâu vào một số chuyên-đề là những tác-giả như Nguyên Ngọc Hoàng Thị Quỳnh Hoa dịch *Tái sinh ở phương Tây* (Reborn in the West: The Reincarnation Masters) của Vicki Mackenzie và Trần Uyên Thi dịch (rất thiện-nghệ) sách của Đức Đạt Lai Lạt Ma. Trong năm, đặc-biệt đáng chú ý là tập truyện song ngữ *It Still Rains in Saigon / Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi* của nhà văn Phong Thu ở Maryland, được ra mắt rầm rộ ở nhiều nơi và cũng được đón nhận một cách khá nồng nhiệt vì tính-cách thời-sự cũng như nghệ-thuật của cuốn sách.

Một thành-viên khác của nhóm Cỏ Thơm là G.S. Phạm Văn Tuấn, ông có đam-mê viết về tiểu-sử của những người danh tiếng trên thế-giới trong mọi ngành nhưng tập trung vào những ngày như âm-nhạc, văn-học và khoa-học. Ông thường bỏ tiền túi ra in những tập này, một tập chừng 200 trang nói về khoảng mười mười lăm nhân-vật trong một quyển, có thể dùng vào một chương-trình học tập phổ-thông về thế-giới.

Sách của Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ

Sinh-hoạt từ năm 1985, Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ không chủ-trương làm ăn ô ạt vì những người chủ-trương chỉ xem đây là nghề tay trái, làm để có phần đóng góp vào văn-hoá VN ở nước ngoài chứ không chủ-trương làm giàu. Vì vậy nên có người tả khá đúng nhịp độ xuất bản sách của Tổ Hợp là "tả tả." Song tả tả nhưng không chết mà còn thường được xem là có những đầu sách khá chọn lọc.

Tỷ-dụ, trong năm qua, Tổ Hợp cũng đã mang ra Tập 3 của bộ *Nhìn Lại Sử Việt* của

tác-giả Lê Mạnh Hùng, Tiến-sĩ Sử-học ở Anh, một bộ được xem là viết khá chính-xác, phong phú và đúng đắn. Tập 1, ra năm 2007, viết về giai-đoạn "từ tiền-sử đến tự-chủ" (939) và Tập 2, ra hai năm sau, đi "từ Ngô Quyền đến thuộc Minh" tức chủ-yếu nói về giai-đoạn Lý-Trần, đều đã tuyệt bản nên đã phải in lại và in thêm vì nhiều người muốn có đầy đủ cả ba tập. Đến khi hoàn-tất, Tiến-sĩ Lê Mạnh Hùng dự-tính sẽ thành một bộ 6 tập nhằm cung-cấp cho chúng ta một bộ thông-sử cập nhật và đáng tin cậy về lịch-sử nước nhà.

Trước đó, trong năm 2010, Tổ Hợp XBMD Hoa Kỳ còn tung ra một tác-phẩm rất đặc-biệt về Cải cách ruộng đất ở miền Bắc mang tên *Ngày Long Trời Đêm Lở Đất* của một tác-giả quốc-nội, ông Trần Thế Nhân. Cuốn sách, viết rất lạ, được đón nhận như một mặc-khải và lập-tức Khối 8406 ở trong nước đã xin phép đưa lên Internet và đưa vào kho những tài-liệu căn-bản về lịch-sử nước nhà trong thời-gian qua, để cho người dân mở mắt ra về sự tác hại của chủ-nghĩa CS trên đất nước ta.

Năm nay, tuy đề năm 2012 song Tổ Hợp đã hoàn-tất hai tác-phẩm từ cuối năm 2011, đó là:

Cuốn *Lưu Hương Ký*, thơ chữ Nôm và chữ Hán của Hồ Xuân Hương, tuy khám phá được ra từ những năm 1956-57 và được Trần Thanh Mại giới-thiệu ở Hà-nội từ những năm 1963-64 song 50 năm qua, việc giới-thiệu cuốn sách chỉ nhỏ giọt, không bao giờ hoàn-tất. Lại còn một thời-gian hơn 40 năm, bản gốc cuốn sách còn bị ông Đào Thái Tôn giấu đi làm của riêng nên có lúc người ta tưởng nó đã mất. Nhưng nhờ nó được tìm lại vào cuối năm 2008 nên học-giả Nguyễn Ngọc Bích đã có dịp đọc hết và bỏ thời giờ ra phiên âm và phiên dịch, chú thích lại từ đầu thành một quyển sách mẫu mực, trình bày thật đẹp với các

bài thơ Nôm/Hán ở trang bên trái, đối diện với bản Quốc-ngữ (và chú thích) ở bên phải để cho ai muốn có thể so sánh và đánh giá tác-phẩm. Theo ông Bích, ông đã giới-thiệu toàn-bộ 44 bài thơ trong sách (15 bài thơ chữ Hán và 29 bài thơ Nôm) thay vì Hà-nội cho tới nay mới giới-thiệu được có 31 trên 44 bài (chưa đầy 3/4). Không những thế, ông cho biết, ông đã sửa chữa được cả trăm lỗi trong các sách in ở Việt-nam về thơ *Lưu Hương Ký*, kể cả cuốn sách đồ-sộ (748 trang) của Tiến-sĩ Hoàng Bích Ngọc mang tên *Hồ Xuân Hương: Con người - Tư tưởng - Tác phẩm* (2003).

Ngoài ra, Hồ Trường An ở Pháp cũng có cuốn *Ảnh trường Kịch giới* là một cuốn "hồi-ký rong chơi" về điện-ảnh của Việt-nam tự do, dày hơn 400 trang. Tổ Hợp đem ra cuốn sách này vì tin tưởng là cho đến nay, không đâu có một nỗ lực tương-tự trả lại sự thật cho một nền điện-ảnh khá sống động trong mấy thập-kỷ, ít nhất cũng từ hai phim *Kiếp Hoa* và *Bến cũ* (1953) đến phim *Đất Khó* (1975) với hàng chục phim nổi tiếng làm nên một nền nghệ-thuật thứ Bảy thật đáng ghi nhớ của Việt-nam, từ *Chúng tôi muốn sống* (1956) đến *Người tình không chân dung*, *Hè muộn*, *Giờ mặt Tử-thân*, *Hồi chuông Thiên-mụ*, *Người về từ đỉnh núi*, *Con Búp-bê nhồi bông*, *Sau giờ giới-nghiêm*, *Lệ đá*, v.v. Đây phải nói là mặc dù thiếu tài-liệu, thiếu tủ phim, thiếu đủ thứ, Hồ Trường An cũng đã vận-dụng được trí nhớ phi thường của anh cũng như của một số bạn bè mê xi-nê Việt-nam để tái-tạo-dựng được gần như một cuốn bách khoa từ-điển về phim Việt-nam một thời.

Đông Xuân
Bang Trinh-nữ, Hoa-kỳ-quốc
Đêm 10/1/2012

TÂM VIỆT

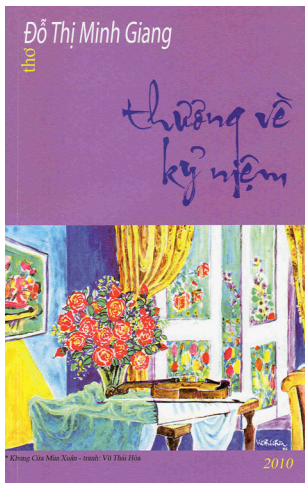
Hương Mùa Xuân

Nồng ấm xuân tình đẹp tóc tơ
Dịu dàng mười sáu ánh trăng mờ
Ngọc nga tinh khiết quỳnh hoa nở
Huyền ảo khung trời dệt ý thơ .

Nắng hồng rực rỡ hoa tươi thắm
Tim tím trên cành trở mộc lan
Nụ đào e ấp chào Xuân mới
Những búp hoa mai khoe cánh vàng.

Vạn thọ cúc vàng thoang thoảng hương
Thủy tiên chờ đợi đóa hoa hường
Hoàng lan yểu điệu như cô gái
Hồn bỗng mộng mơ chợt vấn vương .

Môi hồng xuân thắm lối vào yêu
Mười tám đẹp xinh vóc mỹ miều
Anh hái lộc non thắm khấn nguyện
Trao em lưu luyến nhớ nhung nhiều.



Đỗ Thị Minh Giang

(Louisiana)

Tình Yêu là gì?

Tình yêu như cánh bướm trong vườn sắc hài hòa
Tình yêu nhẹ nhàng mang lời cay đắng dịu êm
Tình yêu đến nhưng vẫn xa cách ngàn trùng
Tình yêu đi mang hồn xao xuyên hoài mong
Tình yêu là thế nhưng người người
vẫn mong chờ
Tình yêu là thế nhưng chẳng ai thể từ nan

Tình yêu mang đến vương vấn suy tư ngày nào
Tình yêu thấm trong trái tim đang buồn đau
Tình yêu dặt ta vào khu rừng vắng lạc loài
Tình yêu bỏ ta giữa thu tím đầu đông
Tình yêu lạc lối trong chiều vắng nhạt nhòa
Tình yêu khóc thầm cho mắt ai u hoài

Tình yêu là gì khi ta còn mãi cô đơn trong
cuộc đời
Tình yêu muện phiền xóa lời gian dối đầu môi
Tình yêu chấp chới theo cánh chim xa rời
Tình yêu ngồi đó mong chờ năm tháng gọi mời

Tình yêu là phép màu biến hóa giòng đời
Tình yêu đã cho ta nhiều men ấm nồng say
Tình yêu là gió của lá rộn ràng
Tình yêu là nắng của đất hiền hòa
Tình yêu là sóng trên cát miền man tình xa
Tình yêu là thế nhưng người người
vẫn mong chờ
Tình yêu là thế nhưng chẳng ai thể từ nan

Cung Thị Lan (Virginia)

TIẾNG ĐÀN THỨ-Y-KIỀU

PHẠM THỊ NHUNG

Kỳ III

4. TIẾNG ĐÀN TÁI-NGỘ

(Tiếng đàn an-lạc)

(cc. 3197--3210)

Sau khi Từ Hải bị Tổng-Độc Hồ Tôn-Hiến lừa, bắn chết. Kiêu tuy quá đau-khổ nhưng vì còn nuôi hy-vọng được trở về cố-hương (*Thân tàn được thấy gốc phân là may*) nên phải nhẫn-nhục hầu đàn cho kẻ thù vừa giết chồng mình. Chẳng ngờ hôm sau Kiêu lại bị họ Hồ ép gả cho một tên Từ-Trưởng ; Hãn vội đem kiệu hoa áp thẳng xuống thuyền, đưa thốc Kiêu đi. Quá tuyệt-vọng, Kiêu không thể vượt qua được nỗi thống-khổ cùng-tột này, nên đã nhảy xuống sông Tiên-Đường tìm cái chết để mong thoát nợ đoạn-trường.

May sao Sư-Bà Giác-Duyên nghe theo lời tiên-tri của Tam-Hợp Đạo-Cô, thuê dân chài giăng lưới vớt được Kiêu lên, dẫn về cho tu ở thảo-am của bà.

Kiêu nhờ đã trải-nghiệm qua bao khổ-đau của sống chết, lại nhờ được Sư Giác-Duyên dẫn-dắt cho tu-hành theo đạo giải-thoát của Đấng Thế-Tôn, nên đã sớm tinh-thức mà linh-hội được cái triết-lý nhân-sinh thâm-diệu của nhà Phật: Đời là bể khổ, thế-gới vô-thường. Con người chỉ khi nào có được cái tâm thanh-tĩnh, không còn mê-vọng, tham ái, chấp-chước...mới mong giải-thoát khỏi khổ-đau và đạt tới hạnh-phúc an-lạc, tự-tại. Kiêu đã chứng-nghiệm được phần nào điều này ngay trong cuộc sống

đơn-giản, chay-tĩnh với Sư-Bà Giác-Duyên nơi thảo-am, trên bờ sông Tiên-Đường.

Khi được tái-ngộ với gia-đình và người yêu xưa, Kiêu bị cả nhà nài-ép, và nhất là chàng Kim Trọng cứ một mực buộc Kiêu vào mối tình cũ với lời thề xưa, Kiêu bất-đắc-dĩ phải vâng theo làm lễ giao-bái nên danh-nghĩa vợ chồng. Rất may, trong đêm động-phòng, Kim Trọng là người quân-tử, khi hiểu rõ ý-nguyện tha-thiết của Kiêu là muốn được “Đem tình cầm-sắt đổi ra cầm cờ”, nghĩa là đổi tình chăn gối vợ chồng ra tình bạn-bè, vì nàng không muốn chạm đến cái thân “bướm chán, ong chường” hổ-nhục của nàng, nên đã thỏa-thuận như lời Kiêu khẩn-cầu.

Nhờ vậy, Kiêu được gan đục khơi trong, khỏi mang tiếng một đời lưu-đãng, tà-dâm và giữ được tiết-nghĩa với Từ Hải (gọi là trả chút nghĩa người). Đồng thời, từ nay Kiêu tuy sống trong gia-đình song nàng đã gỡ bỏ được những ràng-buộc của thế-tình, những hệ-lụy của nhân-sinh, để có thể an lòng tiếp-tục tiên tu theo sở-nguyện. Trong trường-hợp này tâm Kiêu vui là lẽ tự-nhiên, không còn gì có thể nghi-ngờ.

Cũng trong đêm động-phòng hoa-chúc ấy, Kim Trọng tha-thiết xin được nghe lại tiếng đàn năm xưa của Kiêu, nàng đã vui-vẻ nhận lời.

ND đã giới-thiệu Tiếng Đàn Tái-Ngộ này trong 14 câu thơ (cc.3197-3210).

A - Nội-dung bản đàn (cc.3197-3202)

Kiều bắt đầu đàn:

Phím đàn diu-dặt tay tiên

Khói trầm cao thấp, tiếng huyền gần xa.

Dưới những ngón tay thoăn-thoắt bấm phím của nàng, tiếng đàn nhịp-nhàng, êm-ái vang lên... âm-thanh trầm bổng, là-lướt theo khói trầm bay, rồi nhẹ-nhàng lan tỏa vào không-gian. Kim Trọng nghe đàn:

Khúc đâu đậm-ấm dương-hòa

Ấy là hồ-điệp, hay là Trang-Sinh ?

Chàng tưởng đâu như đang nghe một khúc nhạc trầm-ấm, thiết-tha ca-ngợi lòng yêu-thương bao-la, chan-chứa tình người gửi đến muôn loài ; chẳng khác nào nắng xuân chan-hòa sưởi ấm khắp nơi-nơi.

Tiếng đàn còn gợi Kim nhớ đến chuyện Trang Chu đồng-hóa mình với bướm, thấy bướm chẳng khác gì mình ; trong tích Trang Chu ngủ mơ hóa bướm, tỉnh dậy lấy làm ngờ, không rõ mình là bướm hay là Trang Chu.

Khúc đâu êm-ái xuân-tình

Ấy hồn Thục-Đế hay mình đồ-quiên ?

Có khi Kim tưởng đâu như đang nghe một khúc nhạc dịu-dàng êm-ái, ca-ngợi tình yêu thương hồn-hậu trong-sáng của tuổi trẻ. Tiếng đàn của Kiều lần này gợi Kim nhớ đến chuyện vua Vọng-Đế nước Thục, khi chết đi hồn hóa thành chim đồ-quiên. Vậy hồn Thục-Đế hay mình đồ-quiên có khác chi đâu, tuy hai mà vẫn là một !

Như thế đủ rõ, cả hai khúc đàn Kiều vừa gảy đó, ý đàn đều mang chủ-đề đề-cao tình thương-yêu từ-bi, bao-la, bình-đẳng của con người, đã được thăng-hoa thành tình nhân-loại.

B - Nhạc-tính tiếng đàn (cc.3203-3204)

Còn về âm-sắc tiếng đàn, thì tiếng đàn tái-ngộ của Kiều, Kim nghe sao mà trong-vắt, tinh-khiết đến thế (tức không bợn một tạp-âm), Khiến chàng liên-tưởng đến hình-ảnh những hạt ngọc trai trắng-muốt (từ miệng trai) nhỏ xuống vụng biển đầy ánh trắng soi, trông mới trong-trẻo, thanh-khiết làm sao!

Trong sao! Châu nhỏ doanh-quiên

Tiếng đàn của Kiều khi lại vang lên diu-dịu, êm-êm... âm-hương của nó như còn kéo dài mãi, Kim nghe mới trầm-ấm làm sao ! Khiến chàng liên-tưởng tới hình-ảnh những hạt ngọc (ngọc thạch) mới đông nơi núi Lam-điền, dưới nắng trời êm-ả, ngọc mới đông như còn đang bốc hơi ấm:

Ấm sao ! Hạt ngọc Lam- điền mới đông.

C - Cảm-tưởng của Kim Trọng (cc.3205-3210)

Nghe Tiếng đàn tái-ngộ của Thúy-Kiều đêm ấy Kim Trọng nhận thấy thật êm-ái, uyên-chuyên và lôi-cuốn, làm chàng vô-cùng xúc-động (nào-nùng), thích-thú (xôn-xao):

Lọt tai nghe suốt năm cung

Tiếng nào là chẳng nào-nùng xôn-xao.

Khi Kiều vừa đàn xong, Kim trọng đã vội lên tiếng về sự ngạc-nhiên của chàng, vì chàng nhận ra ngay Tiếng đàn tái-ngộ đã có sự biến cung rõ-rệt. Tuy vẫn bản đàn xưa (phổ ấy), và vẫn một tay Kiều gảy (tay nào) nhưng nay tiếng đàn nghe trong-trẻo, đậm-ấm (cung bắc), mang khí-vị « vui-vầy » khác hẳn tiếng đàn bi-thiết, ai-oán (cung nam) mang khí-vị « sầu-thảm » năm xưa :
*Chàng rằng : « Phổ ấy tay nào
Xưa sao sầu-thảm, nay sao vui-vầy !*

Và chàng liền giải-thích, chẳng phải tiếng đàn của Kiều (nghệ-thuật đúng nghĩa)

nghe buồn hay vui là bởi nó phản-ảnh cõi lòng tẻ hay vui của Kiều mà ra ? Và Kiều (một nghệ-sĩ chân-chính) tránh sao khỏi rung-động, khỏi chịu ảnh-hưởng buồn vui theo hoàn-cảnh ?

*Tẻ vui cũng bởi lòng này
Hay là khổ-tận đến ngày cam-lai ? »*

Ý Kim Trọng muốn nói, suốt 15 năm luân-lạc nơi xứ người, Kiều đã phải trải qua biết bao cảnh-huống oan-khổ đắng-cay ; giờ đây Kiều đã hoàn-toàn tai qua nạn khỏi, lại được đoàn-tụ với gia-đình, với người xưa. Bởi Kiều, cảnh-ngộ nay vui, tâm nay an-lạc, tiếng đàn của nàng nghe «vui-vậy», khác hẳn với tiếng đàn «sâu-thảm» năm xưa âu cũng là lẽ tự-nhiên.

Sau khi Kim Trọng tỏ ra đã hiểu rõ tâm-ý của Thúy-Kiều qua Tiếng Đàn Tái-Ngộ ; nàng vui-mừng cuốn dây đàn lại với quyết-định từ đây sẽ bỏ đàn, dứt khoát với quá khứ mê-lâm:

*Nàng rằng: «Vi chút nghề chơi
Đoạn-trường tiếng ấy hại người bấy lâu.
Một phen tri-kỷ cùng nhau
Cuốn dây từ đấy, về sau cũng chừa.»*
(cc.3211-3214)

Nhận-Xét

Chúng ta cũng nên biết, 6 câu tả tiếng đàn của Thúy-Kiều trong bản Tiếng Đàn Tái-Ngộ là ND tái-tạo từ 4 câu thơ trong bài Cầm-Sắt của Lý Thương-Ẩn, một danh-sĩ đời Đường. Những câu này không hề được nhắc tới trong bản chữ Hán KVKT của TTTT.

Đây là bốn câu trong bài Cầm-Sắt (Đàn Gấm) của Lý Thương-Ẩn :

*Trang-Sinh hiểu-mộng mê hồ-điệp
Vọng-Đế xuân-tâm thác đỗ-quyên.
Thương-hải nguyệt-minh châu hữu lệ
Lam-Điền nhật-noãn ngọc sinh yên.*

Nghĩa là, Trang-Sinh sáng sớm ngủ mơ, còn mê-mải mình là bướm / Vua Vọng-Đế gửi tình xuân, tức tấm lòng thương-tiếc nước cũ, vào chim đỗ-quyên (Theo điển, vua Vọng-Đế nước Thục mất nước. Sau khi chết, hồn hóa thành chim đỗ-quyên, tức chim cuốc, ra-rả kêu thương nhớ nước).

Chốn biển rộng, trăng sáng, hạt châu như có nước mắt / Nơi núi Lam-Điền, dưới nắng ấm mặt trời, hạt ngọc bốc hơi trông như khói.

Đã được Nguyễn Du viết lại thành sáu câu thơ lục bát (cc.3199-3204) để tả Tiếng đàn tái-ngộ chan-hoà niềm vui của Thúy-Kiều trong tác-phẩm ĐTTT của ông:

*Khúc đầu đầm-ấm dương-hòa
Ấy là hồ-điệp hay là Trang-Sinh ?
Khúc đầu êm-ái xuân-tình
Ấy hồn Thục-Đế hay mình đỗ-quyên ?
Trong sao, châu nhỏ doanh-quyên
Ấm sao, hạt ngọc Lam-Điền mới đông.*

Từ đó, một số nhà phê-bình văn-học dựa vào ý thơ của Lý Thương-Ẩn, suy-diễn vào thơ Nguyễn Du, nên cho rằng: « Tiếng đàn tái-ngộ của Thúy-Kiều vui đượm lẫn buồn » và « Văn-lý mơ-hồ, viễn-vông khó hiểu » (Lê Văn Hoè, Truyện Kiều Chú-Giải); hay : «... chính là một sự “tập cổ” ít nhiều không tránh khỏi tính chất hình thức chủ nghĩa và do đó, thiếu sự thuần nhất về nội dung cảm xúc » (Đặng Thanh-Lê, Truyện Kiều và Thể Loại Truyện Nôm) v.v. . .

Thực sự, bài thơ Cầm-Sắt (Đàn Gấm) đã gọi hứng cho Nguyễn Du viết đoạn tả Tiếng Đàn Tái-Ngộ của Thúy-Kiều. Chuyện này đã hiển-nhiên. Song Nguyễn Du đã không lấy ý thơ buồn, tả nỗi tiếc-nuối của họ Lý trước mối tình đầu tan-vỡ, mà Nguyễn Du chỉ mượn chất-liệu trong đó, rồi bằng những sáng-tạo riêng, ông lái câu thơ họ Lý theo chủ-dịch của mình, để

phục-vụ cho tiếng đàn vui tái-ngộ của Thúy-Kiều.

Bởi thế, Tiếng đàn tái-ngộ của nàng Kiều đã khác hẳn ý thơ trong nguyên-tác; điều này quá rõ-ràng, như đã phân-tích ở trên.

Riêng 2 câu Lý Thương-Ẩn tả về tính-chất âm-thanh tiếng đàn :

*Thương-hải nguyệt-minh châu hữu lệ
Lam-Điền nhật-noãn ngọc sinh yên.*

Thì được Nguyễn Du lấy gần như nguyên ý (cc.3203-3204)

*Trong sao, châu nhỏ doanh-quyên
Ấm sao, hạt ngọc Lam-Điền mới đông.*

Nhưng Nguyễn Du đã thêm vào hai từ “*trong*” và “*ấm*” là những thuật-ngữ của âm-nhạc, làm cho 2 câu thơ tả tiếng đàn thêm rõ-ràng. Đồng thời, 2 câu thơ ấy còn được đảo trang, đưa túc-từ “*trong sao*” và “*ấm sao*” lên trước chủ-từ, có mục-đích nhấn mạnh tính « *trong* » và « *ấm* » của tiếng đàn:

Tiếng đàn mới « *trong* » làm sao! (khác nào) Hạt châu, tựa những giọt nước mắt trong treo tinh-khiết, nhỏ xuống vụng biển có ánh trăng soi, trông càng thêm lóng-lánh, trong-vắt!

Tiếng đàn mới “*ấm*” làm sao! (như)Hạt ngọc trên núi Lam-Điền vừa đông (Núi Lam-Điền, nơi nổi tiếng có nắng ấm quanh năm, sản-sinh được nhiều ngọc quý) . Ngọc mới đông còn đang bốc hơi đã ấm, dưới nắng trời êm-ả càng thêm ấm !

Nói khác đi, Nguyễn Du đã cụ-thể-hóa tính « *trong* » và « *ấm* » của tiếng đàn qua hai hình-ảnh trong-sáng và âm-áp tuyệt-vời này. Còn từ « *sao* » đi sau từ « *trong* » thì biểu-thị tính nhấn mạnh ở mức-độ làm ngạc-nhiên vì thán-phục ; nhằm đề cao tiếng đàn tuyệt-vời « *trong* » và tuyệt-vời «*ấm*» của Kiều.

Với những câu thơ tả tiếng đàn trong, ấm, vui-tươi, nhẹ-nhàng thanh-thoát như thế; với ý đàn ca-ngợi tình yêu-thương vị-tha, hòa ái, bình-đẳng ; xây-dựng tình người đối với nhân-loại, đối với chúng-sinh như thế, tất phải hay, phải vui là lẽ đương-nhiên ; làm sao có thể pha lẫn ý buồn trong đó được ?!

Tiếng đàn ấy đã biểu-hiện cho trạng-thái ổn-định và thanh-thản, an-lạc trong đời sống nội-tâm Thúy-Kiều. Đồng thời dự báo, cuộc đời Kiều sẽ được hoàn-toàn yên-vui ; đặc biệt, tình ân-ái vợ chồng theo thể-tục giữa chàng Kim và nàng Kiều sẽ không thể xảy ra, mà nhường chỗ cho một tình bạn tri-kỷ, tương-kính, tương-tri, như nàng Kiều đã xác-nhận:

*“Một phen tri-kỷ cùng nhau,
Tương-tri dường ấy mới là tương-tri!”
(cc.3213-3214)*

Từ đây, đôi bạn Kim Kiều đã thực sự được tận hưởng những năm tháng sống an-lạc, hạnh-phúc bên nhau, như Nguyễn Du đã thông-báo trong phần cuối truyện:

*Khi chén rượu, khi cuộc cờ,
Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên.
Ba-sinh đã phi mười nguyên,
Duyên đôi-lira cũng là duyên bạn-bày.
(cc. 3223-3226)*

(4) Lần đàn thứ tư, Kiều gảy đoạn tái-hồi Kim Trọng: “Nàng xắn tay lựa lại cung bậc, tùy theo tâm- sự ghép nên bản đàn, kỳ thủy xôn-xao ô-ạt, dân-dân tiếp đến dung-hòa êm-ấm tình xuân,ngạt-ngào hương mới, thanh như vùng trăng lấp-ló, mềm tựa cái én dập-dìu, càng nghe càng đắm, càng ngẫm càng say, tâm-thần cảm thấy phiêu-diêu bên ngoài vũ-trụ.Mỗi khi đắc ý chàng lại hết sức ngợi khen : “ lạ chưa phổ ấy tay nào? Xưa sao sâu-thắm, nay sao vui-vậy.

Cam-lai hẳn đã đến ngày, mà cơ khổ tận từ đây hết rồi.” (KVKT của TTTT. Bản dịch của Tô-Nam NĐD (sđd) tr.436.

TỔNG-KẾT

Trong ĐTTT của ND, 4 tiếng đàn của Thúy-Kiều tuy cùng một bài bản (Một Thiên Bạc-Mệnh), cùng một loại đàn (đàn Nguyệt) với chũng ấy dây đàn, chũng ấy nốt nhạc, lại do một tay Kiều gảy mà sao mỗi lần mỗi khác hẳn. Tiếng đàn ấy chẳng đã tùy theo từng tình-cảm, từng tâm-trạng vui buồn của Thúy-Kiều trong mỗi biến-cổ cuộc đời mà tạo nên biết bao biến-thái của âm-thanh, của tiết-điệu.

Cả bốn tiếng đàn đều tuyệt hay, đều tràn-ngập cảm-xúc, đều gây được sức hấp-dẫn, lôi-cuốn đến kỳ-la, làm xúc-động mãnh-liệt lòng người. Điều đó chứng-tỏ nghệ-thuật siêu-đẳng của ND khi tả những tiếng đàn trữ-tình này.

Nghệ-thuật đó chính là:ND đã sử-dụng phối-hợp một cách tinh-tế, khéo-léo nhiều yếu-tố nghệ-thuật thi-ca trữ-tình để tả tiếng đàn của Thúy-Kiều (kể cả ảnh-hưởng của tiếng đàn ấy đối với người nghe):

Trước hết,tiếng đàn (nói chung về âm-nhạc) vốn mang tính trữ-tình ở cấp độ cao hơn hẳn tiếng nói. Và thi-ca cũng mang tính trữ-tình hơn hẳn văn xuôi. ND đã tả tiếng đàn của Thúy-Kiều bằng thơ, là đã có sẵn tính nhạc trong đó, từ âm-vận, thanh luật BT,thanh sắc bóng trầm đến tiết-điệu.

Và ND đã dùng rất nhiều từ-ngữ biểu-cảm (*ngơ-ngẩn sâu, nao-nao,tan-nát, đằm-ấm, nã-nùng,sâu-thắm...*) bên cạnh những từ-ngữ gợi thanh gợi hình, láy âm (*sâm-sập, xôn-xao...lã-chã...*) và những từ có giá-trị nhân mạnh như những dấu chấm than (*nào tầy! lấm thay! trong sao! ấm sao!*) ; cộng với nghệ-thuật so-sánh, ẩn-dụ, hoán-dụ (*tiếng sắt/ tiếng vàng...*), nhân-cách-hóa

(*gió thắm, mưa sâu...*), điệp ngữ, đảo-trang, *thậm-xung...* Khi cần tác-giả sử-dụng nghệ-thuật thậm-xung một cách táo-bạo (đem cả máu đỏ, thịt tưa để tả tiếng đàn) ; làm cho những câu thơ tả tiếng đàn thêm nổi, thêm dồi-dào âm-hương, đậm-đà cảm-xúc; gây được ấn-tượng mạnh, làm rung-động lòng người .

ND còn pha điển-tích vào tiếng đàn, khiến tinh-tiết tiếng đàn thêm phong-phú, ý đàn thêm đậm-đà, sâu-sắc.

Đặc-biệt ND đã đem cảnh-sắc thiên-nhiên tràn-ngập vào tiếng đàn. Hầu như mỗi âm-thanh, mỗi tiết-tấu đều được diễn-tả bằng một hình-ảnh, dầu thực hay ảo, đều mang nét kỳ-thú và lãng-mạn; tiếng đàn trở nên vô-cùng hấp-dẫn (*Trong như tiếng hạc bay qua / Đục như nước suối mới sa nửa vôi/ Trong sao châu nhỏ doành-quyên/ Âm sao hạt ngọc Lam-Điền mới đông...*). Thú-vị nào hơn khi tại ta vừa nghe âm-thanh tiếng đàn, mắt ta vừa nhìn thấy hình-ảnh thi-vị, gợi cảm của tiếng đàn; sau nữa, tiếng nhạc ấy, cảnh-sắc thiên-nhiên ấy còn có tác-dụng gợi tả, giúp ta hiểu được đời sống tâm-lý rất đổi vi-tế và cũng đầy biến-động của nhân-vật.

Nói khác đi, nhờ kỹ-thuật chuyển tiếng nhạc vào điển-tích và lồng cảnh-sắc thiên-nhiên vào tiếng nhạc, ND đã đưa tiếng đàn của Thúy-Kiều ra khỏi sự đơn-sơ của ngữ-nghĩa một chiều mà giúp cho trí tưởng-tượng của độc-giả đi vào nội-dung tiếng đàn một cách dễ-dàng; hơn nữa, còn chấp cánh cho trí tưởng-tượng ấy bay xa với hai, ba tầng nghĩa, tùy vào khả-năng cảm-thụ của mỗi độc-giả.

Xét cho cùng, đây mới chỉ là tiếng nói của điển-tích ; của hình-ảnh thiên-nhiên hay qua sự phỏng thanh từ những âm-vang của vũ-trụ ; với sự liên-tưởng, suy-diễn qua ngôn từ, qua nghệ-thuật thi-ca trữ-tình của

tác-giả. Tuy nhiên, nếu chúng ta để ý về khía-cạnh âm-học và ngữ-học ta sẽ thấy được, qua những khúc đànThúy-Kiều gây trong ĐTTT, ND còn muốn nói lên tiếng nói của âm-nhạc, tức âm-thanh, tiết-tấu của tiếng đàn, để trực tả đời sống nội-tâm bèn-nhạy và phong-phú của nhân-vật này nữa.

Muốn thực-hiện điều này, ND căn-cứ ngay vào trọng-tâm tính nhạc căn-bản của thể thơ lục bát (6/8) mà ông đã chọn để thực-hiện tác-phẩm ĐTTT của mình.

Trước hết nói về tiết-tấu, tức nhịp-điệu. Nhịp-điệu căn-bản của thể thơ 6/8 với số chữ chẵn là nhịp đôi:

2/2/2 --- 2/2/2/2

Sau đến thanh luật BT, thể 6/8 chỉ có một từ thanh T ở vị-trí thứ 4 câu 6 và một từ thanh T ở vị-trí thứ 4 câu 8, còn các từ khác hầu hết là thanh B:

- 0B 0T 0B (v)
 0B 0T 0B (v) 0B (v)
 - 0 B 0T 0B (v)
 0B 0T 0B (v) 0B (v)

Sau nữa là vần.Trong mỗi 4 câu thơ, thể 6/8 có tới 6 vần:4 cước-vận (vần cuối câu) , và 2 yêu-vận (vần giữa câu 8). Vậy mỗi câu 8 có 2 vần, nếu yêu-vận có dấu huyền (trâm-bình-thanh) thì cước-vận phải không dấu (phù-bình-thanh), hoặc ngược lại. Trong khi đó, ở các thể thơ Ngũ ngôn hay thất ngôn của Trung-Quốc chỉ có 3 cước-vận ; thơ Tây phương cũng chỉ có cước vận. Như thế, âm-vận thể 6/8 phải nói là dồi-dào, nhưng lại toàn là vần bằng (B).

Với những yếu-tố nhạc-tính căn-bản là vậy, thơ 6/8 chỉ thích-hợp để diễn-tả những nét nhạc êm-ái, nhẹ-nhàng. Trong khi đó, 4 lần Kiều đàn là 4 lần nhân-vật này đang sống trong những tình-huống rất khác nhau; tình-cảm, tâm-trạng vui buồn của Kiều tất rất khác nhau. Đặc-biệt 2 lần Kiều đàn cho Kim Trọng thương-thức, lần đầu hội-ngộ và

lần 4 tái-ngộ, ND rõ-ràng cố-ý bộc-lộ đời sống nội-tâm Kiều trực-tiếp qua âm-thanh tiếng đàn. Vậy tiếng đàn Kiều gây lên, âm-thanh tiết-tấu phải như thế nào, khiến Kim Trọng nghe mà có được những liên-tưởng, và những suy-diễn như chúng ta đã biết?

Tất-nhiên, để có được những tiếng nhạc cần-thiết cho nhu-cầu diễn-đạt tùy theo từng trường-hợp như thế, ND đã phải sử-dụng nhiều thủ-thuật riêng để hóa-giải những nhược-điểm, những hạn-chế của thể thơ 6/8 , đồng-thời tạo thêm thật nhiều chất nhạc thích-hợp cho tác-phẩm của mình.

Trước khi giải-đáp vấn-đề này, chúng ta cũng nên biết sơ qua vài điểm quan-trọng về hình-thức ngữ-âm tiếng Việt.

Tiếng Việt gồm những từ đơn âm-tiết (từ đơn) và đa âm-tiết (từ ghép, từ láy). Mỗi âm-tiết được tạo nên bởi nguyên-âm đơn hay kép đứng độc-lập (a, ôi, oai...) hay kết-hợp bởi phụ-âm đầu cộng với nguyên-âm và phụ-âm cuối (khi có khi không) gọi là vần, cộng với thanh-điệu (dấu giọng).

Mỗi bộ-phận của một âm-tiết phát ra, sẽ tùy theo vị-trí phát âm của nó , từ môi đến cuống họng và độ mở của miệng, mà người ta phân-biệt được âm-thanh nhẹ/ mạnh, trong/ đục, cao/ thấp. Đó chính là cơ-sở ngữ-âm, cho phép người ta dựa vào đây để tạo nên những từ-ngữ , những vần-điệu bổng trầm, ngân vang thanh-thoát hay nghẹn-ngào tức-tưởi tùy theo nhu-cầu diễn-đạt trong lời nói hay trong thơ văn.

Vậy ND, khi tả những tiếng đàn của Kiều, ông đã phải sử-dụng những thủ-thuật gì?

Khi cần tả nét nhạc mạnh-mẽ, trầm-hùng như khúc Hán Sở Chiến-Trường:

*Khúc(T) đầu(B) Hán(T) Sở (T)
 Chiến (T)Trường (B)*

ND đã dựa vào luật BT của thể 6/8, hầu tạo thêm nhiều từ có thanh T ở những điểm BT được tự-do chọn-lựa. Kết-quả, câu 6

trên, số từ có thanh T đã chiếm tỷ-lệ cao hơn (4/6) so với số từ có thanh B (2/6).

Đồng thời, ND còn sử-dụng liên-tiếp 5/6 từ có phụ-âm đầu mà điểm phát âm ở mãi phía cuối họng, như:

KH,H,S,CH,TR. Âm phát ra đã khó, khi phát ra được rồi thì tiếng mạnh nhưng đục và trầm. Trái lại, khi cần có nét nhạc vừa giàu âm-hương, vừa êm-ái, nhẹ-nhàng, như:

*Kê-Khang, này khúc Quảng-Lãng
Một rằng lưu-thủy, hai rằng hành-vân.*

Thì ND, ngoài việc tạo thêm vần cho câu thơ, như vần “ang” (Khang, Quảng), vần “ang” (rằng, rằng); nhờ kết-hợp được nguyên-âm “a, ă” có độ mở rộng trong khẩu-âm, với phụ-âm cuối “ng” thuộc loại âm vang, nên luồng hơi phát ra được dễ-dàng, thanh-thoát.

Lại nữa, những từ: lưu, thủy, hại, vần được tạo bởi một (hay hai) bán-âm đi kèm với một nguyên-âm, có tác-dụng làm cho nhạc-tính của từ đó thêm dài ra (Tác-giả Trần Ngọc-Ninh trong bài biên-khảo Thơ Trong Truyện Kiều, gọi đó là “âm dài” thuộc loại vần phức-tạp (Truyện Thông, số 39&40, trang 310)

Ngoài ra, ND còn hoán-cải nhịp thơ đều-đặn của thể thơ 6/8 trong nhiều câu, hầu đem lại cho chúng những hình-thức chuyển-biến đa dạng, như:

*Trong / như tiếng hạc bay qua
Đục / như nước suối mới sa / nửa vơi.
Tiếng khoan / như gió thoảng ngoài
Tiếng mau / sầm-sập / như trời đổ mưa.*

Xem thế đủ rõ, ND quả là một nhà thơ có thiên-khiếu về tài thẩm-âm và về ngôn-ngữ-học. Ngày xưa, thời ND chưa có khoa âm-học, ngôn-ngữ-học như ngày nay, để có thể tách-bạch một cách khoa-học về nhạc-tính trong từng bộ-phận của âm-tiết, nhưng ND cũng như một số các thi-gia có tài của ta, do trực-cảm biết được giá-trị này nên đã

áp-dụng một cách vô-thức luật âm-thanh trong ngữ-âm tiếng Việt một cách tài-tình, quen dần trở thành kinh-nghiệm. Chẳng thế, khi cần biểu-hiện một cách sinh-động tâm-trạng phức-tạp, kể cả đời sống tiềm-thức, vô-thức của nhân-vật Kiều ở đây, ND đã tạo được biết bao cách kết-cấu trùng-điệp kỳ-thú.

BĐ1:

- *Khúc đầu Hán Sở Chiến-Trường
Nghe ra tiếng sắt, tiếng vàng chen nhau.*

.....

- *Kê-Khang / này / khúc Quảng-Lãng
Một rằng lưu-thủy // hai rằng hành-vân.*

- *Quá quan / này / khúc Chiêu-Quân
Nửa phần luyến chúa // nửa phần tư-gia.*

.....

*Tiếng khoan như gió thoảng ngoài
Tiếng mau sầm-sập như trời đổ mưa.*

BĐ4

- *Khúc đầu / đằm-ám dương-hòa
Áy là hồ-điệp / hay là Trang-Sinh.*

- *Khúc đầu / êm-ái xuân-tình
Áy hôn Thục-Đế / hay mình đồ-quyên.*

*Trong sao, châu nhỏ doanh-quyên
Ám sao, hạt ngọc Lam-Điền mới đông.*

Ta thấy:

Ngoài sự trùng-điệp một từ hay một nhóm từ trong một câu hay trong mấy câu liên-tiếp, như:

*này/này, rằng/rằng, nửa phần / nửa phần
là/là, sao/sao, Khúc đầu/ khúc đầu*

Ta còn thấy sự trùng-điệp hiện-diện cùng khắp:

Từ những sự trùng-điệp nhỏ nhất trong một âm-tiết, như sự trùng-điệp về phụ-âm đầu “kh”(khang, khúc) “qu”(quá, quan, Quân), và s (sầm-sập); về nguyên-âm “a”(khang, quảng), “ă”(lãng, rằng, rằng) và “â”(quân, phần, phần), đó là chưa kể sự trùng-điệp về vần trong câu của những từ lấy-âm (đằm-ám) hay sự trùng-điệp liên-

tiếp của 5 từ mà vẫn có âm dài (tiếng , khoan, gió, thoảng, ngoài) ; đến sự trùng-điệp về phụ-âm cuối “ng” (khang, quang, lãng) và “ n ”(quan, quân ; phần, phần) ; cùng sự trùng-điệp về thanh BT, khi thì 4 từ có thanh T trùng-điệp trong 1 câu (Khúc đầu Hán, Sở Chiến-Trường), khi thì 5 từ có thanh B trong 1 câu (Trong sao châu nhỏ doành quyên)

Thêm vào đó là sự trùng-điệp về nhịp-điệu trong Bản Đàn 1:

2 / 1 / 3 --- 4 / 4 (2)

Và sự trùng-điệp về nhịp-điệu trong Bản Đàn 4:

2 / 4 --- 4 / 4 (2)

v.v....

Kết-quả đương-nhiên do những sự trùng-điệp này là tạo được sự luyến-láy về âm, về nhịp, làm giàu-mạnh tính nhạc và gây được sự đa dạng về tiết-tấu. Nhờ vậy, âm-nhạc có đủ khả-năng trở thành tiếng nói trực-tiếp, biểu-hiện trung-thực được từng biến-động vui buồn nhẹ-nhàng hay những khắc-khoải, nặng trĩu ưu-tư trong đời sống nội-tâm của người nhạc-sĩ, ở đây là nhạc-sĩ Thúy-Kiều.

Cũng bởi bản-chất Thúy-Kiều vốn đa-sâu, mẫn-cảm, nên ngay khi còn thơ, qua thi văn, cảm thương cảnh-ngộ người xưa đã sáng-tác “Một thiên Bạc-mệnh” ; vừa thấy ngời mộ hoang liền động lòng trắc-ẩn ; mới nghe gần xa về cuộc đời bạc-phận của Đạm-Tiên đã dầm-dề lệ tuôn và than khóc chung cho số kiếp đàn-bà... Thế nên, trên đường đời, mỗi khi rơi vào cảnh-ngộ éo-le, bi-thiết, tránh sao khỏi rên-xiết, oán-than?! Thúy-Kiều lại gửi-gắm, phó-thác tất cả tâm-hồn, tình-cảm vui buồn, hạnh-phúc hay khổ-đau của mình cho tiếng đàn và nhập thân với tiếng đàn; tiếng đàn trở nên tiếng nói nội-tâm Kiều, hiện-thân cho mệnh Kiều. Bởi vậy, qua tiếng đàn Kiều diễn-tấu,

thính-giả biết được, theo dõi được từng biến-động tình-cảm, tâm-trạng, cũng như từng cảnh-ngộ của đời nàng. Tiếng đàn vì mang đậm nét trữ-tình như thế, nên có sức truyền-cảm mãnh-liệt, đã làm cho các thính-giả của nàng bị ảnh-hưởng, bị lôi-cuốn theo, không sao cưỡng lại được.

Tiếng đàn tài-hoa của Thúy-Kiều vô-hình-trung đã làm sâu-đậm thêm những nỗi thống-khô đoạn-trường của nàng. Những thống-khô của Kiều là gì? Chính là những biểu-hiện của sự đau-thương, bất-mãn, phản-kháng tiêu-cực của một tâm-hồn thanh-cao, của một tấm lòng trong-trắng, trung-hậu, tình-nghĩa, đã bị đời vùi-dập vào những cảnh-huông đoạn-trường éo-le hay trong những chốn xấu-xa như-nhuóc. Từ những thống-khô ấy, tâm-hồn Kiều được tô-luyện, thăng-hoa trở thành cao-cả, đúng như Alfred De Musset, một thi-sĩ lãng-mạn nổi danh của Pháp-quốc thế-kỷ 19, đã viết: “*Rien ne nous rend si grangds qu'une grande douleur.*” (không gì làm ta cao-cả bằng nỗi thống-khô).

Quả vậy, Nàng Kiều nhờ trải-nghiệm qua bao khổ-đau của sống chết, lại được Sư Bà Giác-Duyên dẫn-dắt cho tu-tập theo đạo từ-bi giải-thoát của Đấng Thế-Tôn, nên đã sớm tỉnh-thức; nàng biết đem tình thương-yêu vị-tha cao-thượng hướng về tất cả, để hóa-giải những khổ-hận xưa, đồng thời đem lại an-vui hạnh-phúc đến cho mọi người. Tâm nàng giờ đây đã được hoàn-toàn thanh-thoai, an-lạc. Tiếng đàn đoạn-trường vì thế không còn lý-do tồn-tại, như chính Kiều đã tuyên-bố:

Cuốn dây từ đây, về sau cũng chừa!

(C. 3214)

PHẠM THỊ NHUNG

(Paris)

Cha với con

Ba ơi!
Có cái gì màu đỏ
Đang bay.
Sau những tàng cây.
Mặt trời lấp ló.
Con ơi!
Chỉ là những đám mây.
Mệt mỗi cuối ngày.
Mượn sắc hoàng hôn ,
Bán hồn cho gió .
Ba ơi!
Hãy nhìn về phương Tây
cống con đến đó.
Lội qua con sông ,
Trèo lên đỉnh núi.
Con sợ gió đưa mây vào đêm tối..
Con ơi!
Hãy nhìn về phương Đông.
Núi sông khói phủ.
Đây chỉ là con suối
Và con gốc nhỏ nhoi.
Nhưng chân ba cũng mỏi lắm rồi.
Thôi ba để con đi.
Cho chân núi đầu sông vững chắc
Không cần biết Đông Tây Nam Bắc
Nhưng ba ơi!
Nắng tắt
Màu đỏ tan rồi.
Xám ngắt.
Một mình một cõi trời mây.
Biết hướng nào đưa con đến .
Ngày mai ?!

**Lam Điền
Nguyễn Thử**

PHÙ DU KIẾP NGƯỜI

Đâu rồi những dấu chân xưa?
Lang thang tìm mãi dưới mưa bóng hình...
Cây lặng thình, cỏ lặng thình.
Gió mây một cõi-Riêng mình chiêm bao.
Đêm về-Tàn đĩa dầu hao.
Bước chân luân vũ đã vào thiên thu.
Còn chẳng chỉ có lời ru.
Bên đường dong ruổi...mịt mù khói sương.
Cõi đời hư ảo vô thường.
Lung linh đôi chút niềm thương kiếp người.
Dòng thời gian chẳng ngừng trôi.
Biển tình vô hạn, cõi người phù du.
Chiều lên dốc núi sương mù.
Đong đưa giọt nhớ vi vu sợi tình.
Chiêm bao về bến vô minh
Ngộ ra mới biết phận mình sắc, không!!!

THIÊN ĐỨC

TẬP SAN CỔ THƠM
có bán tại
Washington Music
Eden Center
6795 Wilson Blvd. #26
Falls Church, VA 22044
Tel. 703 538 4979

Nghĩ Về Một Số Từ Tiếng Việt

Nguyễn Thùy

Dân tộc Việt Nam, từ thời lập quốc đến nay, đã có một **Tiếng Nói** tức **Ngôn Ngữ Nói** mạch lạc, phổ cập khắp mọi miền đất nước và qua lịch sử càng lúc càng thêm giàu đẹp. Điều này chắc không mấy ai không đồng ý cũng như không có gì để bàn thêm. Có bàn chẳng là tìm ra những đặc tính của **Tiếng Việt** vì ảnh hưởng đến việc cấu tạo bản chất dân tộc ta, cấu tạo nên cái Tinh thần dân tộc qua quá trình lịch sử. Nhưng **Chữ Viết** tức **Ngôn Ngữ Viết** hay **Văn Tự**, thì đến nay, hầu như chưa ai quả quyết rằng dân tộc ta đã có một Chữ Viết của riêng mình và do mình. Điều này đã trở thành thắc mắc của bao thức giả đã đưa ra nhiều nghi vấn như Hoàng Đạo Thành, Lương Đức Thiệp, Vương Duy Trinh, Nguyễn Đồng Chi,.. Lối chữ **Nòng Nọc** hay **Khoa Đầu** đã được Linh Mục Lương Kim Định (đã qua đời) và Bác sĩ Nguyễn Xuân Quang (hiện ở Hoa Kỳ) nhắc đến nhưng hình như đây là lối chữ của người Mường; người viết không rõ có tài liệu nào viết bằng lối chữ Nòng Nọc này không. Chữ **Nôm** xuất hiện dưới thời nhà Trần nhưng cũng dựa theo chữ Hán và không được thông dụng nơi quảng đại nhân dân. Cho mãi đến lúc tiếp xúc với phương Tây (từ thế kỷ 17) mới hình thành chữ **Quốc Ngữ** nhưng không do dân tộc ta mà do công trình của người ngoại quốc. Tại sao? Và điều đó có ý nghĩa gì không? Bài này không nhằm trả lời thắc mắc đó mà chỉ nhằm cùng bạn đọc suy nghĩ thêm về ngôn ngữ VN qua một số từ thuần Việt thường dùng.

Trong ngôn ngữ Việt Nam, ngoài những từ **thuần Việt** (ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con cái, anh em, bạn bè, quê nhà, chim chóc, cỏ cây, đất nước, trời đất, phát phơ, bâng lảng,

lập loè, chắc chắn, xa gần, tốt đẹp,...) và vô số từ **Hán Việt** (từ Hán đọc theo giọng Việt) như: đạo đức, tổ tiên, tiên nhân, gia tộc, quốc gia, sơn hà, diễm phúc, triết lý, cương thường,...), còn rất nhiều từ do **ghép một từ thuần Việt với một từ Hán** như: đất tổ, quê hương, nhà văn, nhà giáo, bạn hữu, gối mộng, bờ giác, bến mê, tư riêng, thiện lành, bình lặng, đình đám, hội hè,... cùng một số từ phiên âm từ tiếng ngoại quốc: cà-phê, cao-su, xì-tốp, xì-líp, xúp (soupe), xốt (sauce), ô-tô, a-xít, bin-ding, nô-ê-n,...

Nơi đây, chỉ xin nêu ra một số từ **thuần Việt** (hay thuần Nôm) tiêu biểu tính cách thân thiết, thơ mộng, thể hiện nếp sống tốt đẹp của dân tộc trong lối nói hàng ngày cũng như trong thơ văn. Xin bạn đọc xem đây là bài 'phiếm luận' không mang tính cách biên khảo.

I.- Từ 'EM':

Không rõ từ **'EM'** xuất hiện từ thời nào trong ngôn ngữ VN, có thể từ lâu lắm trong dân gian nhưng chỉ để nói lên quan hệ thân thuộc cùng cha cùng mẹ trong gia đình giữa người sinh ra sau đối với người sinh ra trước. Do đó, từ **EM** thường đi chung với các từ **'Anh, Chị'**. Các từ **'Em, Anh, Chị'** lại ra khỏi phạm vi gia đình, đi vào tương giao xã hội, được dùng trong xung hô của người nhỏ tuổi hay lớn tuổi hơn trong khi tiếp xúc. Rồi từ **EM đi vào thơ văn** không rõ vào lúc nào.

Trong các truyện cổ (*Trầu Cau, Thiểu phụ Nam Xương, Trương Chi-Mỹ Nương...*) và một số áng văn Nôm (*Nhị Độ Mai, Bích Câu kỳ ngộ, Phạm Công Cúc Hoa, ...*) không rõ từ **Em** có được dùng không, người viết không còn nhớ. Trong số thơ nôm theo Hán luật, từ Em cũng không được dùng (thơ của Lê Thánh, Tôn, Nguyễn Bình Khiêm, Tự Đức, Nguyễn Khuyến, Chu Mạnh Trinh,...).

Trong *Cung Oán Ngâm Khúc, Chinh Phụ Ngâm* (bản dịch), *Lục Vân Tiên*, trong thơ của Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương, ta cũng không thấy từ **EM**.

Riêng Tú Xương, trong bài ‘*Mắt ô*’, đã dùng từ **EM** để nói về người gái á-đầu, nhưng có thể vào thời Tú Xương, chữ Quốc ngữ đã được dùng, nếu chưa nơi trường ốc thì cũng trong một số người bắt đầu tiếp xúc với lối chữ mới này:

*Đêm qua anh đến chơi đây
Giày dôn (jaune) anh diện, ô tây anh cầm
Sáng ngày sang trống canh năm
Anh dậy, em vẫn còn nằm trơ trơ
Hỏi ô, ô mắt bao giờ
Hỏi em, em những âm ở không thừa
Sợ khi rày gió mai mưa
Lấy chi đi sớm về trưa với tình.*

Trong ‘*Đoạn Trường Tân Thanh*’, Nguyễn Du dùng từ **EM** nhưng chỉ để nói lên quan hệ gia đình giữa Thúy Kiều và Thúy Vân chứ không với Kim Trọng, Thúc Sinh hay Từ Hải (Với những người tình này, Kiều không xưng Em mà xưng Thiếp) :

*-Cây em, em có chịu lời
Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa...
-Thì đem duyên chị kết vào duyên em
-Thì còn em đó, lọ cầu chị đây...*

Từ sau ngày chữ Quốc Ngữ được phổ cập và có lẽ do ảnh hưởng của thơ văn lãng mạn, từ **EM** được sử dụng nhiều trong thơ ca, không chỉ để nói lên thứ bậc trong gia đình hay tuổi tác trong những lần tiếp xúc ngoài xã hội mà trở thành những gởi trao tâm tình thắm thiết, những tình tự ái ân cùng những gắn bó hầu như ruột rà máu mủ.

Nhìn chung, xét về mặt ý nghĩa, từ EM công hiến nhiều phương diện đẹp trong cuộc sống.

a/- Trước tiên về mặt gia đình và xã hội: Từ **EM** vừa chỉ sự thông thuộc thân tình

về huyết thống, về trật tự tuổi tác vừa diễn tả sự tôn trọng, kính nể, nhường nhịn giữa các lớp tuổi đưa đến sự tương nhượng, lễ độ, lịch sự trong đối đãi giữa nhau. Khi còn xưng hô ‘**anh em, chị em**’ với nhau thì mối liên hệ còn trong vòng nể nang, tình nghĩa chứ không gây cản, hỗn hào, vô lễ. Lúc về già, hai người còn xưng hô nhau ‘**anh em, chị em**’ thì sợi dây tình cảm gia đình và xã hội vẫn còn bền vững, ngọt ngào như thuở nào.

b/- Từ EM trong quan hệ vợ chồng và tình cảm nam nữ. (người vợ hay người yêu nữ luôn xưng hô là **EM** với chồng hay với người yêu trai dù có lớn tuổi hơn). Từ **EM** diễn tả mọi yêu thương trong ràng buộc tự nguyện, trong ân tình trao gởi nối kết hai người trong cùng một cuộc sống chung, hòa đồng, dâng hiến cho nhau. Cặp vợ chồng mỗi khi bất hòa hay lúc đã cao niên mà còn gọi nhau là ‘**anh em**’ thì mối bất hòa kia sớm qua đi và tình cảm lúc về già vẫn tươi mát, ngọt ngào như thời son trẻ. Ngôn ngữ là phương tiện truyền đạt, thông giao để bày tỏ ý nghĩ, tình cảm, tâm trạng. Trong đối thoại, ngôn ngữ thường tùy thuộc vào thái độ (attitude) và giọng điệu (intonation) cho thấy cuộc đối thoại dịu dàng, thân mật hay gây cản, hỗn hào, vô lễ có thể dẫn đến dùng bạo lực. Chẳng hạn, hai người hay hai vợ chồng bất hòa với nhau có thể dùng những từ ‘ông, bà, mày, tao,..’ nhưng nếu còn dùng các từ ‘**anh, chị, em**’ thì mối bất hòa khộng đến nỗi gây cản quá đáng vì các từ này, tự thân, đã mang sẵn tính nhường nhịn, thân mật và nể trọng nhau.

c/- Trong yêu đương, trong đối xử ân tình nam nữ. Từ **EM** dùng chỉ người nhỏ tuổi, người tình, người con gái mà ta lưu luyến, muốn trao gởi tâm tình, cảm mến, thương yêu. Ta thử tượng tượng hai người trai và gái chưa hề quen nhau, tình cờ gặp nhau giữa đường hay nơi chợ, ... hỏi han

nhau việc gì đấy mà xưng hô ‘**anh, em**’ với nhau thì hầu như mỗi thân tình đã được thể hiện ngay để rồi tiến đến quen thân và sau đó... Nhất là chàng trai được cô gái chưa quen mà xưng với mình là **EM** thì bỗng nhiên cảm thấy ‘phơi phới’ trong lòng ra sao. Từ **EM**, do đó, có thể nói là bước khởi đầu cho yêu thương, cho nhung nhớ, cho tơ duyên vợ chồng. Và bao cuộc tình thơ mộng, đẹp tươi trọn đời hay phải gầy đờ đón đau hầu như đều do cái từ **EM** ban đầu đó. Xin nghe cô nàng Dư Thị Diễm Buồn thuật lại cái ‘*nét hư*’ của nàng hay của cô nữ sinh do từ cái ‘*nụ cười trong mắt*’ chàng trai lính chiến lúc nàng choàng vòng hoa cho chàng vào ngày Quốc Khánh VNCH:

*-Từ dạo đó dễ buồn và dễ khóc
Dễ dỗi hờn và cũng lắm âu lo
Hay dối mẹ, **Em** bắt đầu trốn học
Cô bé thơ ngây đã biết hẹn hò...*

....

*Gặp bất chợt, vui mừng không thể tả
Em tương chừng mật ngọt rót vào lòng
Nâng tà áo, tay xoay xoay nón lá
Trước cổng trường **Anh** đợi có lâu không ?*

DTDB: ‘Nụ Cười Trong Mắt Anh’
(Những Ngày Xưa Thân Ái)

‘Hư quá’ mà cũng ‘đẹp đẽ’ làm sao! Có lẽ, không một cô gái hay chàng trai nào không trải qua những lần như thế. Chỉ hai tiếng ‘**Em, Anh**’ ban đầu gặp gỡ, thế là ‘mặt hồ tâm tư bắt đầu lăn tăn sóng gợn’ rồi tình ca, tình sử ‘rủ rờ’ đến để rồi, nào đâu biết ‘*Ái tình triết lý màu bi đát, Mà mực tàn canh vẫn chảy hoài*’.

d/- Từ EM trong Văn chương và thơ ca.

*Trong văn chương bình dân, từ **EM** thường được dùng không rõ vào thời kỳ nào. Trước tiên, chỉ để nói về liên hệ trong gia đình hay để nói riêng về thân phận nữ nhi rồi dần dần đi vào thơ ca qua ca dao, dân ca, nói

lên tâm tình, tâm trạng giữa gái và trai, giữa vợ và chồng :

*-Em như con hạc đầu đình
Muốn bay không nhấc nổi mình mà bay
-Từ ngày **em** về làm dâu
Thì anh dặn bảo trước sau một lời
Mẹ già dừ lắm, **em** ơi !
-Ngày ngày **em** đứng **em** trông
Trông non non ngắt, trông sông sông dài...
-Ở đây đất đỏ mây vàng
Em đi làm mướn gặp chàng làm thuê
Yêu nhau ta đưa nhau về
Làm mướn là vợ, làm thuê là chồng.
-**Em** về anh mướn khăn tay
Gói câu tình nghĩa lâu ngày sợ quên
-**Em** về để áo lại đây
Để khuya anh đắp gió tây lạnh lùng.*

e/- Từ EM dùng ‘nhân cách hóa’ mọi thứ.

Trong Văn chương, nhất là trong Thơ, từ **EM**, ngoài việc xưng hô trong tình yêu nam nữ, còn được dùng để ‘**nhân cách hóa**’ mọi thứ, diễn tả nỗi niềm triu mến thân thương hoặc buồn đau, trách móc, lầy hờn, nhưng bao giờ cũng chan chứa tình tự ngọt ngào, yêu đương, thương xót, quyến luyến, xót xa hay tủi buồn, trách móc. Tất cả đều được gọi bằng **EM**, trở thành **EM** một cách thơ mộng, thân thương. Trăng, mây, sương, gió, núi sông, cây cỏ, hoa lá, cả địa cầu, trời đất, tinh tú, quê hương, ngôi nhà, thôn xóm, cả dân tộc, quốc gia, lịch sử, ngôi chùa, đình làng, quyền sách, chiếc bàn, cây bút, nói chung là vạn vật, cả sự kiện không gian, thời gian, kể cả Nghệ thuật, Khoa học, Triết lý,... Tất cả, dù là sự vật vô tri, vô tình cũng được ‘**nhân cách hóa**’ qua từ **EM** hiền hòa, dễ thương, dễ mến dù lắm khi bi thiết, não nề. Đối với nhà thơ, tất cả đều trở thành những ‘**người yêu, người tình**’ để được gọi bằng **EM** thì vị, ngọt ngào ân ái cho dù đây là những gì đã gây cho mình nhức nhối, buồn đau. **Nhân cách hóa mọi sự vật, đây là đặc quyền dành cho nhà thơ nhà**

văn, đặc quyền của thơ ca mà không một bộ môn nghệ thuật nào có được.

-Xuân Diệu đã gọi Thơ là **EM** :

*-Thơ ta hơ hớ chưa chồng
Anh yêu muốn cưới mà không tí giờ
Mùa thi sắp tới, **EM** Thơ
Cái hôn âu yếm xin chờ năm sau.*

Đỗ Bình đã gọi cây súng M.16 là **EM**:

*-**EM** bay
vào lẩn trong tinh đầu
hay rủ hồn đầu
dưới vực sâu...*

Phương Hà đã gọi bức tường Bá Linh bằng **EM**:

*-**EM** gục xuống là điều phải lẽ
Vì đời gian có tồn tại bao giờ...
-Dưới chân **EM** bao lớp người ngã gục
Sau lưng **EM** những vùng đất kinh hoàng...*

Hình tượng siêu hình, ẩn nhiệm đã đưa nhà thơ long đong trên đường luân lạc giữa cõi thế phù trầm, trở về lại với chính mình, sống với nguồn cội ban sơ nơi mình và nơi tất cả, đã được Nguyên Sa mượn qua từ **EM** để diễn tả:

*-Có phải **EM** về đêm nay
Trên con đường chạy dài hoa cỏ
Cho lòng anh trở lại với lòng anh...*

Đinh Hùng trong bài thơ ‘Kỳ Nữ’ đã mượn từ **EM** để nói đến một hình tượng nghệ thuật hay một hình tượng huyền nhiệm nào đó hầu giao phó cả định mệnh mình cho **EM** định đoạt :

*-Ta đặt **EM** lên ngai thờ nữ sắc
Để cho **EM** biện hộ kiếp ngày sau
Vì người **EM** có bao phép nhiệm màu
Một sợi tóc đủ làm nên kinh ngạc...*

Lời thơ Phương Hà trong bài thơ ‘Nguyệt Ánh’:

*-Mười năm không ánh trăng
Đêm nay **EM** về đó....*

EM trong bài thơ là nữ ca sĩ Nguyệt Ánh giúp vui buổi Văn Nghệ của Cộng Đồng người Việt tỵ nạn Cộng sản tại Bruxelles, thủ đô Bỉ Quốc năm 1985. Hiện thực là thế nhưng âm hưởng lời thơ đưa dẫn chúng ta đến những gì xa xôi, trầm mặc, ra ngoài tầm hiện thực... Từ **EM** nơi đây là hình ảnh Quê hương đang nghìn trùng xa cách. Quê Hương về lại đó, sáng tươi, kiêu diễm sau mười năm tăm tối, âm u vì **EM**, **EM** đã về. Lời thơ giản dị, quá giản dị nhưng sao phẳng phất những nét màu lung linh, huyền nhiệm vừa như sáng rỡ huy hoàng vừa như mộng mị, liêu trai: ‘Đêm nay **EM** về đó’, ‘Có phải **EM** về đêm nay’ (Nguyên Sa), có phải :

*-Có phải nghìn thu bờ mộng cũ
Nẻo về trăng trắng gái liêu trai
Trần gian tình lạnh lòng thi tử
EM đến bên hồn, anh ngỡ ai !
(không nhớ tên tác giả)*

Người viết cũng đã gọi ‘Việt Nam, Lịch sử, Tự do, Lẽ Đạo’ bằng từ **EM** :

*-Mai đây nước lại về nguồn
Đầu non **EM** (VN) tắm sạch buồn thế gian.*

*-Tôi gặp tình **EM** (Tự do) nơi đảo hoang
Cuối mùa thế kỷ chít khăn tang
Nơi đây bao kiếp sầu hoang dại
Cười vỡ nhân gian vũ trụ tàn...*

(Pulau Bidong, ngày buồn)
*-**EM** (Lẽ Đạo) đẹp bắt đời phải khổ đau
Tôi yêu nên cảnh thế gian sầu
Đất trời, vũ trụ cong cùng phẳng
Tôi cánh thuyền đêm, **EM** hải âu....*

(Nhớ)

Trong thơ ca, từ **EM** còn dùng theo tính cách ‘phiếm chỉ đại danh từ’ thay cho từ **AI** hay từ **Người** hầu thêm âu yếm, thân thương trong mọi nhắc nhở, nhắn nhủ, gởi trao. Từ **EM** do đó nhiều khi không chỉ một đối tượng

rõ mặt mà mượn qua hình ảnh đối tượng đó để ám chỉ một hình ảnh, một sự kiện nào còn xa xôi, ẩn nhiệm:

-Em về mấy thế kỷ sau

Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không ?!

Bùi Giáng

Em nơi đây là ai ? Là cô em gái, là người tình Không phải. **Em** nơi đây là bất kể người nào, người của thế gian, người đang trong cuộc đời đa đoan, nhiều loạn...

-Em về giữ áo phù sa

Trút quân phong nhụy cho tà huy bay...

Bùi Giáng

Em trong câu thơ này không là người yêu, không là người em gái, cũng không bất cứ người nào mà là **Tổ Quốc, Quê Hương, Lịch Sử** và có thể là **Thượng Đế** hay nói theo Triết học, Đạo học là **Đạo Thể**, là **Être**.

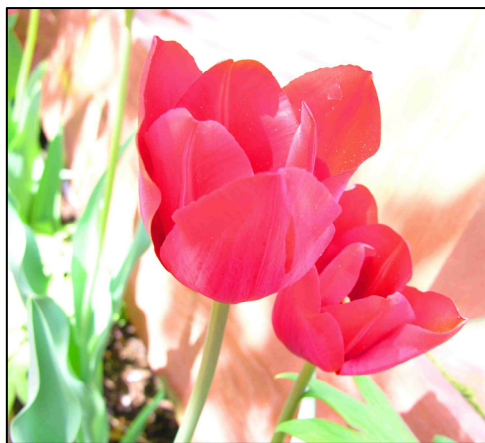
Có lẽ, chỉ riêng ngôn ngữ Việt Nam ta mới có từ **EM** độc đáo đó vừa nhẹ nhàng, hiền dịu vừa nồng ấm tình tự đậm đà, gắn bó thiết tha, nhất là được dùng để **‘nhân cách hóa’** tất cả mọi thứ dù trang trọng, thiêng liêng hay đơn sơ, bình dị, dù cao quý hay tầm thường, dù là tâm linh hay thực tiễn, dù là Thượng Đế hay quỷ ma. Nghe từ **EM**, ta cảm thấy ngay một gần gũi, cảm thông, thân ái, thân tình.

Hầu như người Việt Nam, nhất là nhà thơ, luôn xem mọi thứ, mọi điều đều là những người **EM** thân thương, duyên dáng, dễ mến dễ mình được đóng vai người **ANH**, người **CHI** sẵn sàng yêu thương, mến chuộng, sẵn sàng đùm bọc, chở che, san sẻ nỗi lòng, trao cho nhau nỗi ước, niềm mơ, sẵn sàng chịu đựng bao buồn đau, khổ lụy, niềm vui, nỗi nhớ, tiếng khóc, giọng hò dù trong hân hoan phấn khởi hay trắc trở bi thương, ngay cả trong lúc bông đùa, diễu cợt cùng dẫn về thông cảm, thông giao, gắn bó xóa đi những oán hờn, buồn tủi, những chia lìa ngăn cách giữa người và người, giữa người với thiên

nhiên, vạn vật. *Từ EM do đó mang tính cách Văn hóa rộng lớn, không chỉ biểu hiện lòng yêu thương mà còn nói lên tính cách hòa đồng, hảo hợp giữa con người với môi trường sinh hoạt, giữa con người với lịch sử, giữa Tiểu ngã và Đại ngã trong dòng sinh hóa chung nơi cõi hiện hữu để cuộc sống, cuộc đời thêm đẹp, thêm xinh, thêm hòa ái, mặn nồng tình nghĩa.*

Tiếng Hán, tiếng Pháp, tiếng Anh, hay một thứ tiếng nào khác chắc khó có từ nào ‘đẹp’ như từ **EM** của ngôn ngữ Việt. Những từ **‘Muội, Tiểu Muội’** trong tiếng Hán, **‘chérie, chouchou, mon cœur, mon amour,...’** tiếng Pháp, **‘dear, darling,...’** tiếng Anh thường dùng để chỉ đối tượng xưng hô hơn là nói về chính mình vì thường dùng ở ngôi thứ hai (ngoài trừ từ **Muội** trong tiếng Hán) và nhất là **‘không thể nhân cách hóa được tất cả’** từ vật vô tri đến vật hữu tri, từ thần thánh đến cả ma quỷ, ngay cả ‘nhân cách hóa’ Lê Đạo, Đạo Thể hoặc đôi khi dùng chỉ cả Thượng Đế, chỉ ‘Être’ trong đạo học Tây phương như từ **EM** của Việt Nam. **Bỏ từ EM, ngôn ngữ VN sẽ trở nên nghèo nàn và thơ ca VN sẽ mất đi hàng hàng số lượng.**

Nguyễn Thùy (France)



Tulip: DƯƠNG NGHIỆP BẢO

CHÂN THIỆN MỸ

Chân Thiện Mỹ, ba từ trường chuyên động
trong thân ta, nung giắc mộng tuyệt vời.
Ta biết ta vốn dĩ đã khác người,
tim và óc đầy một trời ước nguyện.

Trái tim ta muốn tìm về chữ Thiện,
đến một nơi thể hiện của tình yêu,
tình gia đình an lạc biết bao nhiêu,
tìm nguồn vui trong những điều đạo lý.

Nhưng hồn ta lại nhắc ta chữ Mỹ.
Đam mê này làm ta nghĩ triền miên.
Ta thôn thức trong những giấc mơ tiên,
và rạo rục trong cơn điên cuồng nhiệt.

Khi tỉnh giấc ta suy về Sự Thật
của cuộc đời thường đã rất đắng cay.
Những con người giả dối vẫn quanh đây
cho ta buồn vào những ngày đơn lạnh.

Ta biết ta sống một đời cô quạnh,
không ai cho ta sức mạnh của niềm tin.
Chỉ riêng ta cảm nhận lời cầu xin.
Ta hiểu ta trong cái nhìn mặc khải.

VŨ THẾ HƯNG

TRUTH, GOODNESS, BEAUTY

Truth, Goodness, Beauty, the three magnetic
forces
move in my body, stoking my magnificent
dream.

I know I'm not like other humans.
My heart and mind are filled with a world of
wishes.

My heart wants to search for Goodness,
to come to a place where Love manifests itself,
a life with family, contented and tranquil,
I seek joy in moral deeds.

Yet my soul to Beauty leads,
I'm haunted day and night by passion.
I tremble in heavenly dreams,
and burn in violent madness.

Waking up, I think of Truth
in a life that has been so bitter.
All the phonies are still flocked around here,
making me spend my desolate days in sadness.

I know a lonely life I must lead,
with no one to show me the path to devotion.
I alone feel the supplication.
I understand myself in the vision of someone
divinely inspired.

English translation by

KIM-VU

TRẢ THÙ

Phạm Hữu Bình

Bữa tiệc sinh nhật thứ năm mươi hai của Ông Hoà tổ chức ở tiệm ăn Fortune đã sẵn sàng. Khách khứa đã đến đầy đủ. Họ hàng cũng đã có mặt. Nhưng ông bà Hoà chưa vào ngồi. Ông bà không muốn bắt đầu bữa tiệc mà thiếu sự hiện diện của Hồng Điệp, cô con gái út. Ai cũng biết ông bà Hoà cưng cô con gái út, xinh đẹp và học giỏi này. Năm nay Hồng Điệp mới hai mươi tuổi mà đã học năm thứ ba Đại Học Virginia.

Có tiếng ai nói lớn:

- Hồng Điệp đến kia rồi.

Mọi người nhìn ra. Một chiếc xe Honda Civic màu trắng vừa đậu lại. Người lái xe, một thanh niên cao và vạm vỡ, với nước da xạm xạm cháy nắng, xuống xe, rồi đi vòng sang bên kia mở cửa cho một thiếu nữ bước xuống. Hai người sánh bước vào tiệm. Hồng Điệp cười tươi như hoa, dắt tay Thành đến thẳng chỗ ông bà Hoà đang đứng, vòng hai tay ôm lấy cả bố và mẹ cùng một lúc, thỏ thẻ bằng tiếng Anh: “Happy Birthday, Dad” Rồi Hồng Điệp đi sang chỗ ông bà Quang ngồi sát ngay đó, vừa bả vai thân mật, vừa hỏi:

- Hai bác mạnh không?

Không đợi khách trả lời, Hồng Điệp nói uồn ẻo, cố ý cho Thành nghe thấy:

- Cháu đến trễ là lỗi tại anh Thành.

Cháu chờ mãi anh Thành mới tới đón. Cháu cứ lo có cô gái chân dài nào bắt cóc mất anh ấy rồi.

Thành, lúc đó đã ngồi vào một bàn gần cuối phòng cùng những người trẻ đồng lứa tuổi, nghe thế vội đứng lên:

- Vâng. Tại Thành cả. Thành mất cả giờ trang điểm, đánh phấn, tô môi, từ mười giờ đến mười một giờ rưỡi mà chưa xong.

Ai nấy cùng cười, nhất là ông bà Quang, bố mẹ Thành, mà Hồng Điệp vừa hỏi thăm. Ông bà Quang và ông bà Hoà đã quen biết nhau từ ngày còn ở bên Việt Nam, khi hai gia đình ở cùng một xóm. Hồi đó ông Quang là sĩ quan không quân, còn ông Hoà là giám đốc một chi nhánh Ngân Hàng Nông Nghiệp. Bây giờ ông bà Quang là chủ một tiệm Seven Eleven. Ông Hoà thì làm cho Ngân Hàng First Union trong khi bà Hoà là một cán sự xã hội.

Ông Quang hơn ông Hoà một tuổi nhưng có vẻ trẻ trung hơn. Thân hình cao lớn, nở nang, đôi mắt cùng cặp lông mày hơi sếch, giọng nói oang oang, ông Quang vẫn được coi là một sĩ quan có oai hơn các sĩ quan khác trong đơn vị. Trái lại, ông Hoà cao dong dong, nước da trắng xanh, cái trán rộng và hai tai to. Tuy đã năm mươi hai tuổi, nhưng ông Hoà trông giống như một thư sinh.

Bà Quang tuy không đẹp như bà Hoà, nhưng khéo trang điểm, khéo ăn mặc. Quần áo, giày dép, khăn quàng, thắt lưng bao giờ cũng hợp thời trang và nhịp nhàng màu sắc. Gia đình ông Quang và gia đình ông Hoà vẫn thân mến nhau vì bà Hoà và bà Quang là bạn cùng lớp ở trường trung học Gia Long.

Bây giờ hai gia đình càng có lý do để thân thiết nhau hơn. Hồng Điệp, con gái út ông bà Hoà, đã trở thành người yêu của Thành, con trai thứ hai của ông bà Quang. Mặc dầu chưa có lễ đính hôn chính thức, nhưng hai người đã đối xử với nhau công khai như, một cặp vợ chồng chưa cưới.

Hồng Điệp chỉ cao 5 feet 3 inches, nhưng có cái dáng của một người cao gần 6 feet. Da trắng và tóc nâu đậm, với những vòng xoắn tự nhiên, Hồng Điệp trông giống như một cô gái tây phương. Nhiều người nói Hồng Điệp đẹp hơn bà Hoà hồi còn trẻ, một hoa khôi nổi tiếng ở trường Gia Long. Với đôi mắt bồ câu, lông mi dài, hai má núm đồng tiền, và thân hình nở nang, cân đối Hồng Điệp thường nổi bật lên trong đám đông. Những ngày cuối thu, sang đông, khi Hồng Điệp đến lớp, mặc áo sweater màu đen hay màu nâu đậm bám sát người, cùng váy màu vàng nhạt thì người ta bắt gặp nhiều nam sinh mắt không chịu dời cô gái này.

Ông bà Quang nhìn cô dâu tương lai một cách triu mến và đầy hãnh diện. Ông bà thường nói riêng với nhau: “Hai đứa này thật xứng đôi.”

Khi nói thế, ông bà Quang hiểu ngầm rằng: “Thành, con trai mình cũng bảnh trai và tài ba lắm chứ!”

Thành hơn Hồng Điệp bốn tuổi. Hai năm trước, lúc học xong bằng Kỹ Sư Hoá Học, Thành quyết định đi làm để có tiền mua nhà và cưới vợ khi Hồng Điệp học xong bốn năm đại học.

Thành không dấu diếm về tự hào mỗi khi sánh vai đi cùng Hồng Điệp, nhất là hôm nay khi có đông đủ bà con ở đây.

Phần ăn uống đã xong. Nhà hàng sắp sửa mang bánh sinh nhật ra. Thành đứng

lên nói với ông bà Hoà mà cũng là nói chung với mọi người:

- Thưa hai bác. Hôm nay là sinh nhật của bác trai, Hồng Điệp có một món quà thật đặc biệt để tặng hai bác.

Hồng Điệp, tay cầm một phong bì, tiến lên đưa cho ông Hoà:

- Con có cái quà này để tặng bố mẹ.

Ông Hoà mở thư ra đọc. Ông lớn tiếng gọi Thành:

- Bác phải nhờ Thành đọc và dịch thư này sang tiếng Việt để mọi người cùng hiểu được.

Thành bước nhanh lại, cầm lấy cái thư và nói cùng mọi người:

- Cháu xin dịch đại khái thư này như sau:

“Trường Đại Học Y Khoa Virginia”

“Gửi cô Hồng Điệp Nguyễn”

“Ban Giảng Huấn Đại Học Y Khoa Virginia vui mừng báo tin cô biết”

“Ban Giảng Huấn có ấn tượng rất tốt đẹp về kết quả kỳ thi MCAT (Medical College Aptitude Test- Trắc Nghiệm Khả Năng Nhập Học Đại “Học Y Khoa) của cô”

“và đã đồng ý nhận cô vào học năm thứ nhất y khoa, bắt đầu ngày 15” “tháng chín năm nay”

“Cô có hai tuần lễ để trả lời thư này”

Tiếng vỗ tay vang dậy. Thành chờ mọi người yên lặng trở lại rồi nói tiếp:

- Như vậy có nghĩa là Hồng Điệp không phải học sang năm thứ tư đại học, tiết kiệm được tiền học phí, tiền ăn ở, chi tiêu, di chuyển, bảo hiểm, v.v.. Tổng cộng ít nhất là một trăm ngàn đô-la. Chưa kể khi ra trường sớm hơn một năm, Hồng Điệp kiếm thêm được ít ra cũng một trăm ngàn nữa. Congratulations to Hồng Điệp.

Lại một lần nữa tiếng vỗ tay vang dậy.

Có tiếng ai nói đùa Thành:

- Thế có nghĩa là Thành phải đợi thêm ít nhất là bốn năm nữa mới làm đám cưới được.

Thành cười hề hề:

- Bốn mươi năm thì khó, chứ bốn năm thì Thành chờ được.

Thành đã tính khi Hồng Diệp tốt nghiệp bác sĩ y khoa, Hồng Diệp mới hai mươi bốn tuổi và Thành hai mươi tám tuổi, cái lứa tuổi quá đẹp để thành hôn. Thành cũng có thêm ba năm nữa để dành dụm một món tiền lớn hơn cho cuộc sống chung. Hai người cũng được hưởng thụ thêm ba năm như một cặp vợ chồng chưa cưới. Ôi, thời gian này mới đẹp làm sao.

Ngày Hồng Diệp dọn vào Trường Y Khoa Virginia, Thành mượn một chiếc xe van của bạn để chở đồ đạc cho Hồng Diệp. Cái apartment nhỏ kiểu studio của Hồng Diệp là cái tổ ấm mới cho hai người mỗi khi Thành có ngày nghỉ đến thăm.

Nhưng bây giờ Hồng Diệp bận liên miên, học hành và thực tập, ít có thì giờ để vui vầy với Thành.

Một hôm Thành đến thăm, Hồng Diệp nói:

- Hôm nay một người bạn cùng lớp mời em đến ăn tiệc sinh nhật. Anh đi với em nghe?

Thành hớn hờ đáp:

- Ồ. Anh muốn đi cho vui.

Có đến gần bốn chục người ở bữa tiệc. Tất cả đều thuộc ngành y khoa. Một số là sinh viên, một số là bác sĩ đang hành nghề, một số khác là nhân viên ban giảng huấn. Họ nói chuyện, dùng ngôn từ của giới y khoa. Có những lúc một người kể chuyện khôi hài và tất cả đều cười rộ lên. Riêng một mình Thành ngồi yên, không hiểu những cách châm biếm hay pha trò của họ. Thành có vẻ ngượng ngùng. Hồng Diệp hình như cũng nhận thấy như vậy. Ồ, nếu biết thế này thì Thành ở nhà cho rồi.

Những ngày tháng kế tiếp, Thành nhận thấy một sự thay đổi lớn trong cách đối xử

của Hồng Diệp với Thành. Những lời nói mất hẳn đi cái vẻ nồng nàn lúc trước. Những câu chuyện lạt lẽo cho có lệ. Hồng Diệp cũng tìm mọi cơ để tránh không gặp Thành.

Một buổi chiều đi làm về, Thành hầm hầm đi thẳng lên phòng ở lầu ba, không chào hỏi bố mẹ. Ông bà Quang nhìn nhau sững sờ. Sau một hồi, bà Quang ghé tai ông Quang nói nhỏ:

- Hai đứa chắc là cãi lộn gì với nhau rồi.

Ông Quang không bận tâm:

- Ôi, chúng nó hục hặc với nhau hôm nay, ngày mai lại làm lành ngày đây mà.

Ngày hôm sau, Thành ra khỏi nhà thật sớm. Bà Quang tò mò lên phòng con trai ở lầu ba. Bà giật nảy mình khi thấy tấm ảnh lớn của Hồng Diệp mà Thành vẫn treo ngay trước bàn học đã có vết dao rạch ngay chính giữa mặt và một giòng chữ lớn viết bằng mực đỏ, "*Hận này ta phải trả*"

Bà hốt hải chạy xuống nói với ông Quang:

- Hai đứa nó bỏ nhau rồi anh ơi. Mà Thành nó hận Hồng Diệp đến nỗi nó rạch cái ảnh Hồng Diệp ngay giữa mặt. Em chỉ sợ nó ghen tuông đến điên khùng mà giết Hồng Diệp thì sao? Liệu mình có nên nói cho anh chị Hoà biết không?

Vừa lúc đó chuông điện thoại reo. Bà Quang cầm máy lên nghe. Có tiếng bà Hoà ở đầu giây đang kia:

- Trời đất ơi! Em biết nói làm sao bây giờ. Hồng Diệp và Thành nó bỏ nhau rồi chị ơi. Thế này thì có khổ không? Hồng Diệp nói với em là nó thấy Thành không còn hợp với nó nữa. Nó thấy Thành lạt lẽo trong môi trường mới của nó. Nó nói nó đau khổ lắm nhưng nó không thể tiến tới việc hôn nhân với Thành được.

Bà Quang thở dài nảo nuyệt:

- Tôi biết. Hôm qua thấy cháu Thành về nhà, mặt mày cau có, là tôi biết đã có gì lủng

cùng với Hồng Diệp. Sáng nay nó bỏ đi thật sớm, không biết đi làm hay đi đâu. Tôi lên phòng nó mà tôi toát mồ hôi. Tôi thấy nó đã rạch cái ảnh Hồng Diệp ngay giữa mặt, rồi lại viết một câu: “*Hận này ta phải trả*”. Ở cái tuổi còn bông bột của nó, tôi chỉ lo nó ghen tuông mà làm những chuyện điên rồ, đại dột thì khổ cho tôi. Chị nên nói cho cháu Hồng Diệp biết mà đề phòng.

Bà Hoà cũng hoảng hốt:

- Vậy hả chị? Vâng để em bảo cháu Hồng Diệp phải coi chừng.

Khi bà Hoà kể lại cho con gái nghe những lời bà Quang nói, Hồng Diệp cười lên khanh khách:

- Mẹ ơi! Con biết anh Thành mà. Một con ruồi anh ấy còn không dám đập chết, làm sao anh ấy giết con được mà mẹ lo.

Ông Quang thấy vợ lo sợ thì cũng hoảng hốt không kém. Ông hiểu đứa con trai thứ hai này của ông. Nó đã định làm gì thì cương quyết làm cho bằng được, không có gì ngăn trở được nó. Ông còn nhớ ngày Thành mười lăm tuổi mà không biết bơi vì sợ sặc nước. Một hôm mấy cô gái học cùng lớp thách thức Thành nhảy lao đầu xuống nước ở hồ bơi như mọi học sinh ở đó. Thành ngượng ngùng nói:

- Hôm nay Thành đang bị vọp bẻ, nhưng tuần sau Thành sẽ nhảy cho mọi người coi.

Rồi Thành tìm huấn luyện viên dạy bơi và cố hết sức tập luyện nhảy lao đầu xuống nước liên tiếp ba giờ một ngày, bảy ngày một tuần. Khi đến hồ bơi ngày Thứ Tư tuần sau đó, Thành đã trở tài nhảy lao đầu xuống nước thật ngoạn mục, làm cho các cô gái thách thức Thành lần trước đã phải vỗ tay tán phục.

Thấy Thành đi về bất thường, ăn ngủ không ra giờ giấc, ông Quang thắc mắc hỏi:

- Con thay đổi công việc rồi hay sao mà bố thấy giờ giấc của con lung tung quá.

Thành thản nhiên đáp:

- Con thôi việc để đi học lại.

Ông Quang không băn khoăn gì nữa. Với người con trai trưởng và cô gái út đã có gia đình và ra ở riêng, ông bà Quang lấy làm mừng còn có Thành ở nhà. Thành đi làm thì tiền lương vẫn để riêng làm vốn, ăn ở với bố mẹ miễn phí. Bây giờ Thành đi học lại thì đối với ông bà Quang cũng không có gì thay đổi. Nhưng ông Quang nghĩ rằng việc đi học lại của Thành có liên quan đến việc Thành thù hận Hồng Diệp. Phải chăng con ông muốn tìm cách giết Hồng Diệp mà không phải dùng đến dao, đến súng?

Sáu tháng sau đó, khi Thành loan báo là Thành thi MCAT được kết quả rất khả quan và đã được nhận vào học ở Trường Đại Học Y Khoa Johns Hopkins ở Baltimore thì ông Quang nghĩ ra; “Thôi đúng rồi. Nó muốn thành một bác sĩ để sẽ dùng thuốc độc mà giết Hồng Diệp.”

Ông biết các bác sĩ là những người cứu nhân, độ thế. Nhưng họ cũng nắm trong tay một sức mạnh ghê gớm có thể “*giết người không dao*”. Ông đã nghe tin trên TiVi về một bác sĩ riêng của ca sĩ lừng danh Micheal Jackson bị đưa ra toà vì bị nghi là đã tiêm cho ca sĩ Jackson những liều thuốc quá mạnh gây ra cái chết yểu của ca sĩ này. Ông Quang cũng đọc tiểu sử Joseph Stalin, ông chòm Đảng Cộng Sản Nga Sô và biết rằng Stalin luôn luôn nghi ngờ các bác sĩ riêng của ông ta sẽ dùng thuốc độc để ám sát ông ta; nên ông ta đã bắn chết không biết bao nhiêu những bác sĩ này. Ai được ông ta chọn làm bác sĩ riêng là cầm chắc cái chết trong tay.

Ông Quang nói những mối quan tâm này với vợ. Bà Quang suy nghĩ rồi nói:

- Hồng Điệp cũng là bác sĩ. Để gì mà Thành có thể giết nó bằng thuốc độc được.

Tuy nói vậy mà bà Quang cũng không khỏi lo ngại.

Khi Thành học sang năm thứ hai y khoa thì cũng là lúc Hồng Điệp lên xe hoa. Chồng Hồng Điệp tên là Daniel Reynolds, một bác sĩ nội khoa gốc Thụy Điển, đang hành nghề và cũng là giảng viên đại học y khoa.

Thành đã mượn cơ đi chơi với bạn và suốt một tuần lễ không về nhà. Ông bà Quang hiểu hoàn cảnh của con và không bận tâm gì. Ít lâu sau, ông bà Quang vui mừng hơn khi thấy Thành có một số bạn gái, trong số này có hai cô là con gái bạn cũ của bà Quang. Nhưng Thành không có vẻ chú ý đến ai đặc biệt.

Từ ngày Hồng Điệp lấy chồng, ông bà Quang không còn chuyện trò gì với ông bà Hoà, dù chỉ bằng điện thoại. Họ không thù hằn nhau, nhưng cả hai bên đều thấy ngượng ngùng. Bà Quang vẫn nói với mọi người rằng hôn nhân là chuyện của đôi trẻ, ông bà không muốn dây dưa vào. Nhưng thực sự ông bà cảm thấy lòng tự ái của mình bị xâm phạm nặng nề. Đã hơn một năm rồi ông bà Quang cố ý tránh mặt ông bà Hoà. Cho nên hôm nay bà Quang rất ngạc nhiên khi nghe tiếng bà Hoà trên điện thoại. Sau những câu thăm hỏi sức khoẻ thường lệ, bà Hoà than thở:

- Em không hiểu tại sao mà con Hồng Điệp nhà em nó sui sẻo về đường tình duyên thế. Mới lấy chồng chưa được một năm mà đã ly dị rồi.

Bà Quang giật mình:

- Làm sao thế chị? Cháu Hồng Điệp ly dị rồi?

Tiếng bà Hoà vẫn đầy than vãn, chán chường:

- Bây giờ thì còn ly thân; nhưng luật sư cho biết chỉ ba tháng nữa là mọi thủ tục ly dị sẽ hoàn tất. Nào ai mà ngờ được. Hôm Thứ Tư đầu tháng trước, cháu Hồng Điệp được nghỉ bù sau mấy ngày trực. Nó mua đồ ăn trưa đem đến phòng mạch của chồng để cùng ăn. Khi mở cửa bước vào, nó bất gặp chồng đang ôm hôn cô thư ký. Thế là nó tìm luật sư khởi đơn ly dị liền. Chồng nó cũng không phản đối gì. May mà chúng nó chưa có con cái với nhau.

Trong bữa cơm tối ngày hôm đó, bà Quang đem chuyện Hồng Điệp ly dị ra nói với chồng và con trai. Bà có ý dò xem Thành phản ứng ra sao. Biết đâu đây chẳng là dịp để Hồng Điệp và Thành tìm lại với nhau. Nhưng Thành giận dữ nói:

- Tại sao mẹ lại mang chuyện này nói với con? Con chẳng bao giờ muốn nghe về chuyện chồng con của Hồng Điệp.

Rồi Thành vùng vằng bỏ lên phòng riêng.

Ngày hôm sau, khi Thành đã ra khỏi nhà, bà Quang lên dọn dẹp trên lầu ba. Bà sững sốt thấy Thành đã dùng một tấm ảnh Hồng Điệp dán lên tường làm đích ném phi tiêu (darts). Có đến mười phi tiêu cắm trên mặt Hồng Điệp với dòng chữ mới viết bằng mực đỏ: "Hận này ta phải trả". Thì ra Thành vẫn không ngừng tìm cách trả thù Hồng Điệp.

Thành được một người bạn cùng lớp tên Josephine mời đến dự tiệc sinh nhật tổ chức ở khách sạn Marriot. Bây giờ Thành cảm thấy hoàn toàn tự nhiên, thoải mái trong giới y khoa. Khi đến phần văn nghệ giúp vui Thành đứng lên nói:

- Tôi là Thành Trần. Để chúc mừng sinh nhật thứ hai mươi lăm của Josephine, tôi sẽ ngâm mấy vần thơ của Edgar Allan Poe về mối tình bất hủ của thi sĩ và nàng Annabel Lee

Một nữ sinh viên lên tiếng nói với Thành:
- Tôi rất thích bài thơ này của Edgar Allan Poe. Tôi tên là Katerina Ivanov. Nếu anh bạn muốn thì tôi sẽ đệm nhạc piano để anh ngâm thơ.

Thành mừng lắm:

- Thế thì còn gì bằng. Cảm ơn Katerina. Katerina ngồi vào piano và bắt đầu dạo nhạc. Thành bắt đầu lên tiếng ngâm:

*It was many and many a year ago,
In a kingdom by the sea,
That a maiden there lived whom you may know
By the name of ANNABEL LEE;
And this maiden she lived with no other thought
Than to love and be loved by me*

*I was a child and she was a child,
In the kingdom by the sea;
But we loved with a love that was more
than love-
I and my Annabel Lee
With a love that the winged seraphs of heaven
Coveted her and me.*

(Bản dịch của học giả Quảng Văn Phạm in dưới đây với sự đồng ý của dịch giả)

*Vương quốc xưa bên bờ biển cả.
Lý Lệ An, thiếu nữ tâm anh.
Tình nàng vàng vạc cao xanh
Tình ta hơn những mối tình thiên thu*

*Yêu nhau thuở còn thơ ngày ấy
Vương quốc xưa, sóng dậy bồi hồi
Tìm ta một nhịp sóng đôi
Thiên thần thượng giới ngâm ngợi hờn ghen.*

Tiếng đàn quần quyện với tiếng ngâm thơ, khi lên bổng, khi xuống trầm, lúc dồn dập, khi thánh thót, thoải mái nhẹ nhàng. Cứ

toạ vỗ tay vang dậy khi tiếng đàn chấm dứt. Có nhiều tiếng hô “Bis, Bis”. Katerina đứng lên cúi chào cử tọa. Tiếng hô “Bis, Bis” lại vang lên. Katerina xoa tay, mỉm cười:

- Để đáp lại thịnh tình của các bạn, tôi sẽ chơi bản nhạc mà nhiều bạn thích là bản Love Story mà soạn giả là Taylor Swift.

Katerina vừa chơi đàn piano vừa hát. Mọi người thích thú vỗ tay thật lâu.

Josephine, người được vinh danh trong bữa tiệc hôm nay, đứng lên trình trọng nói:

- Cảm ơn Thành và Katerina rất nhiều. Đa số các bạn đã biết Thành là sinh viên năm thứ tư Đại Học Y Khoa Johns Hopkins. Katerina cũng đang học năm thứ tư Đại Học Y Khoa Harvard. Katerina là một hoa khôi ở Thành Phố St, Petersburg bên Nga và theo gia đình sang Hoa Kỳ năm năm trước đây. Tôi hân hạnh được gặp Katerina trong kỳ luân chuyển thực tập năm ngoái. Các bạn vừa được thưởng thức tài nghệ âm nhạc của Katerina. Tôi cũng xin nói thêm rằng Katerina cũng là một họa sĩ nữa. Xin các bạn một tràng pháo tay thật lớn cho hai người bạn tài ba Thành và Katerina.

Tiên lại bắt tay và cảm ơn Katerina. Thành cũng sờ về sắc đẹp và vẻ duyên dáng, yêu kiều của cô gái người Nga này. Với đôi mắt nâu to, mũi thẳng và cao, da trắng mịn, tóc nâu đỏ để xoã ngang vai, Katerina có cái vẻ đẹp quý phái, nếu không hẳn là vương giả. Cũng một tầm cao với Thành, Katerina có một tâm thân cân đối với những đường cong hấp dẫn. Khi mỉm cười Katerina để lộ hai hàm răng đều đặn, trắng trong, nổi bật lên giữa đôi môi đỏ hồng.

Nhạc khiêu vũ nổi lên, Thành mời Katerina nhảy một bản Valse. Chỉ vài bước là Thành thấy rõ tài nghệ của Katerina. Thành chân thật khen:

- Katerina nhảy hay quá.

Katerina cười, thẳng thắn nhận lời khen của Thành:

- Anh nghĩ vậy hả? Hồi tôi ở tiểu học và trung học, ba má tôi cho tôi học nhạc và vũ ballet vào buổi chiều Thứ Tư và sáng Thứ Bảy. Tôi đã tưởng tôi sẽ thành một ballerina chứ.

Càng quen biết Katerina, Thành càng say đắm cô gái tài ba này hơn. Katerina cũng siêu lòng trước tình yêu bộc phát hồn nhiên, chân thành của người bạn mới gặp. Chỉ một tháng sau là Thành và Katerina đã gắn bó với nhau như một cặp uyên ương.

Katerina đưa Thành lên Boston để giới thiệu với cha mẹ. Tiến Sĩ Joseph Ivanov, năm mươi lăm tuổi, cao lớn hơn ông Quang đôi chút, nhưng tóc đã đốm bạc, đưa Thành đi coi nhà kiếng của ông. Thành chăm chú nghe ông bố vợ tương lai nói về những sưu tầm thực vật đặc biệt chứa trong nhà kiếng này. Mẹ Katerina, bà Irene Ivanov, là một bác sĩ chuyên về ung thư, hiện đang giảng dạy ở Trường Đại Học Y Khoa Harvard. Đã ngoài năm mươi, nhưng bà Irene Ivanov vẫn rất đẹp, tuy không trang điểm gì. Hai ông bà chỉ có một Katerina là người con gái duy nhất. Cả hai ông bà cùng tỏ vẻ quý mến Thành.

Lễ thành hôn của Thành và Katerina được tổ chức ba tuần sau khi hai người tốt nghiệp bác sĩ y khoa. Gần bốn trăm thân bằng, quyến thuộc đã đến dự bữa tiệc cưới ở khách sạn Ritz Carlton, một trong hai khách sạn sang bậc nhất ở Boston. Trong số quan khách có cả ông bà Hoà và Hồng Điệp.

Hồng Điệp đã tái giá. Chồng mới của Hồng Điệp là một bác sĩ tên David Zenkins, gốc Ái Nhĩ Lan, ra trường cùng một năm với Hồng Điệp, nhưng hơn Hồng Điệp đến sáu tuổi.

Tuy còn ngưỡng ngùng đối với Thành, nhưng khi được thiệp mời, Hồng Điệp đã nhận lời đến dự tiệc cưới. Hồng Điệp muốn nhân dịp này để làm lành với Thành, một người mà Hồng Điệp vẫn còn quý mến như một người bạn.

Ông bà Quang thấy vợ chồng Hồng Điệp thì giật mình. Ông Quang nói nhỏ với vợ:

- Hôm nay chắc là lúc Thành nó muốn ám hại Hồng Điệp. Nếu có thể nào thì ai cũng cho là Hồng Điệp bị ngộ độc thôi. Không ai có thể nghi ngờ nó được. Nhất là lại có chồng Hồng Điệp ở đây. Nếu có ai nghi ngờ thì người ta nghi ngờ chồng Hồng Điệp ám hại vợ để lấy tiền bảo hiểm nhân thọ.

Bà Hoà tái mặt đi:

- Mình không thể để chuyện ấy xảy ra được. Tôi không ngờ nó hận thù Hồng Điệp lâu thế.

Ông Quang trầm ngâm:

- Tôi vẫn biết tính nó. Nó mà định làm gì thì thế nào nó cũng phải thực hiện cho bằng được. Bà còn nhớ những lần nó rạch ảnh Hồng Điệp ở giữa mặt và dùng ảnh Hồng Điệp làm đích phóng phi lao không?

- Tôi nhớ chứ. Hay là để tôi hỏi thẳng nó xem sao. Nếu nó biết mình hiểu rõ mưu đồ của nó, thì chắc nó sẽ không dám thực hiện đâu.

Ông Quang gật đầu:

- Đứng đây. Bà cứ hỏi thẳng con xem sao.

Bà Quang bước ra vừa đúng lúc xướng ngôn viên giới thiệu hai họ. Bà đi theo ông Quang lên sân khấu trong tiếng vỗ tay vang dậy. Chăm chú nhìn gia đình cô dâu, bà thấy ai cũng xinh đẹp, lộng lẫy khác thường.

Nhạc Prom and Circumstance trở lên báo hiệu cô dâu và chú rể sẽ ra mắt. Mọi người đứng lên vỗ tay chào mừng. Bà Quang thấy Thành và Katerina sao mà tương xứng thế. Bà thấy một niềm hân

hoan, tự hào tràn ngập tâm hồn và quên luôn ý định hỏi con trai bà về chuyện ám hại Hồng Điệp.

Rồi bữa tiệc bắt đầu. Các bạn bè cô dâu và chú rể lên nói những lời chúc mừng cùng đưa cột châm biếm đôi vợ chồng trẻ. Tiếng cười ròn tan khắp phòng. Xướng ngôn viên mời cô dâu và chú rể ra sàn nhảy khai mạc cuộc khiêu vũ.

Bây giờ mọi người mới có dịp quan sát kỹ cô dâu và chú rể. Katerina đội vương miện và mặc áo cô dâu bằng satin trắng toát có phủ ngoài một lớp vải màn và thắt lưng óng ánh những hạt pha lê. Thành mặc tuxedo trắng. Thành dẫn Katerina nhảy những bước điệu luyện, ngoạn mục. Có nhiều tiếng khen và vỗ tay trong cử tọa.

Đến giờ cô dâu, chú rể cùng cha mẹ hai bên đi đến từng bàn để cảm ơn quan khách. Ông bà Quang chăm chú theo dõi con trai từng cử chỉ, nhất là khi đến bàn có vợ chồng Hồng Điệp ngồi. Là người Việt duy nhất ở bàn, Hồng Điệp được các bạn cử làm đại diện. Sau khi đã nói mấy câu bằng tiếng Anh để chúc cặp vợ chồng mới cưới, Hồng Điệp cũng nói riêng với Thành một câu bằng tiếng Việt:

- Hồng Điệp phục anh Thành.

Thấy Katerina mãi nói chuyện với ba má bằng tiếng Nga, bà Quang như sực nhớ ra điều gì, kéo tay Thành ra một bên hỏi nhỏ:

- Mẹ cứ tưởng con hận Hồng Điệp và có ý định ám hại Hồng Điệp để trả thù. Vậy mà con lại mời vợ chồng Hồng Điệp đến đây hôm nay là tại sao?

Thành không dấu được vẻ ngạc nhiên:

- Sao mẹ lại nghĩ rằng con có ý định ám hại Hồng Điệp? Phải chăng vì mẹ thấy con rạch ảnh Hồng Điệp ngay giữa mặt và dùng ảnh Hồng Điệp làm đích phóng phi tiêu?

Bà Quang không chối cãi:

- Đúng vậy. Mẹ thấy rõ ràng là con oán hận Hồng Điệp ghê gớm và có ý định trả

thù. Con còn viết rõ ràng ra là “Hận này ta phải trả”.

- Mẹ ơi. Hồng Điệp bỏ con sau mấy năm trường gấn bó, vì con không phải là bác sĩ. Làm sao mà con không hận Hồng Điệp được? Con đã cho Hồng Điệp thấy con có thể làm bác sĩ. Con cũng muốn cho Hồng Điệp biết con có thể lấy được một người vợ bằng năm, bằng mười Hồng Điệp. Vợ con, Katerina, chẳng những là bác sĩ, mà còn là nhạc sĩ, họa sĩ và nhiều nữa. Tất cả những điều đó con đã thực hiện được. Con cũng vẫn còn đủ độ lượng để đối xử với Hồng Điệp như một người em gái. Đó là cách trả thù của con. Con rạch ảnh Hồng Điệp ở giữa mặt và dùng ảnh Hồng Điệp làm đích phóng phi tiêu chỉ là một cách con tự nhắc nhở con phải đạt cho bằng được mục đích của con thôi.

Có tiếng ông Quang gọi. Bà Quang vội đi ra, miệng cười toe toét.

PHẠM HỮU BÌNH

(Virginia)



Phạm Hữu Bình, Đặng Nguyên và Phạm Trọng Lệ đọc báo Cỏ Thơm trong ngày phát hành số 57.